

Số: 451/TCT-TCKT

V/v: Gửi báo cáo thường niên năm 2018
của Tổng công ty Sông Đà CTCP.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018 Tổng công ty Sông Đà - CTCP
9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo : www.songda.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT TCT;

Người được uỷ quyền công bố thông tin

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN TCKT**



Vũ Đức Quang



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP

Tháng 4/2019

NỘI DUNG BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| I THÔNG TIN CHUNG | 4 |
| 1 Thông tin khái quát | 4 |
| 2 Ngành nghề kinh doanh | 6 |
| 3 Thông tin về Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 7 |
| 4 Định hướng phát triển của Tổng công ty | 10 |
| 5 Các rủi ro | 11 |
| II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 | 12 |
| 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: | 12 |
| 2 Tổ chức và nhân sự | 13 |
| 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án | 15 |
| 4 Tình hình tài chính toàn Tổng công ty | 15 |
| 4.1 Tình hình tài chính năm 2018 | 15 |
| 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 16 |
| 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 16 |
| 5.1 Cổ phần tại 31/12/2018 | 16 |
| 5.2 Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2018 | 17 |
| 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 17 |
| 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ | 17 |
| 5.5 Các chứng khoán khác | 17 |
| 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội | 17 |
| 6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu | 17 |
| 6.2 <i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</i> | 17 |
| 6.3 Chính sách liên quan đến người lao động | 17 |
| 6.4 <i>Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương</i> | 18 |
| III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 18 |
| 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 | 18 |
| 2 Tình hình tài chính | 19 |
| 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 20 |
| 4 Kế hoạch phát triển trong năm 2019 | 21 |

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| 5 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội | 23 |
| IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY | 24 |
| 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty | 24 |
| 1.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh | 24 |
| 1.2 Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương | 25 |
| 1.3 Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư | 25 |
| 1.4 Trách nhiệm với môi trường và an sinh xã hội | 25 |
| 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc | 25 |
| 3 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 26 |
| V QUẢN TRỊ CÔNG TY | 27 |
| 1 Hội đồng quản trị | 27 |
| 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị | 27 |
| 1.2 Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị | 27 |
| 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị | 27 |
| 2 Ban kiểm soát | 28 |
| 2.1 Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát | 28 |
| 2.2 Các hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2018 | 28 |
| 2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty | 29 |
| 2.4 Hoạt động khác của Ban kiểm soát: | 29 |
| 3 Các giao dịch và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và ban kiểm soát | 29 |
| VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018 | 29 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Tổng công ty Sông Đà : **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ -CTCP**
- Tên giao dịch quốc tế : **SONG DA CORPORATION - JSC**
- Địa chỉ : **Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**
- Điện thoại : **(024) 38541164** Fax: **(024) 38541161**
- Ngành nghề kinh doanh : **Tổng thầu xây lắp (*tổng thầu EPC*) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.**
- Website : **<http://songda.vn>**
- Vốn điều lệ : **4.495.371.120.000 đồng**

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Sông Đà là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng được thành lập ngày 01 tháng 6 năm 1961 với tên gọi ban đầu là Ban chỉ huy Công trường Thủy điện Thác Bà, sau đổi thành Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà với nhiệm vụ chính của đơn vị lúc đó là xây dựng công trình thủy điện đầu tiên tại Việt Nam - Nhà máy Thủy điện Thác Bà có công suất 110MW.

Từ năm 1979 - 1994, Tổng công ty Sông Đà tham gia xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hoà Bình công suất 1.920 MW. Ngày 15 tháng 11 năm 1995, theo Quyết định số 966/BXD-TCCB của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng công ty Sông Đà được thành lập lại theo mô hình Tổng công ty 90 với tên gọi là Tổng công ty Xây dựng Sông Đà. Ngày 11 tháng 3 năm 2002, theo Quyết định số 285/QĐ-Bộ Xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng công ty Xây dựng Sông Đà đã được đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Lịch sử phát triển của Tổng công ty Sông Đà gắn liền với các công trình thủy điện, công nghiệp và giao thông trọng điểm của đất nước mà Tổng công ty đã và đang thi công. Đó là các nhà máy thủy điện Thác Bà (110MW), Hoà Bình (1.920MW), Trị An (400MW), Vĩnh Sơn (66MW), Yaly (720 MW), Sê San 3 (273MW), Tuyên Quang (342 MW), Sơn La (2.400 MW), Lai Châu, Huội Quảng,...; Đường dây 500KV Bắc - Nam; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Nhà máy dệt Minh Phương, Nhà máy xi măng Bút Sơn; Đường cao tốc Láng – Hoà Lạc, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, Quốc lộ 18, đường Hồ Chí Minh, Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân...

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty Sông Đà đã trở thành một Tổng công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện. Từ một đơn vị nhỏ chuyên về xây dựng thủy điện, đến nay Tổng công ty Sông Đà đã phát triển với nhiều đơn vị thành viên hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước và trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau: Xây

dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, kinh doanh điện thương phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp và đô thị, tư vấn xây dựng, xuất nhập khẩu lao động và vật tư, thiết bị công nghệ cùng nhiều lĩnh vực kinh doanh khác.

Từ năm 2000, Tổ hợp công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và các công ty con, công ty liên kết đã nghiên cứu và triển khai đầu tư một loạt các nhà máy thủy điện với qui mô vừa và nhỏ, các khu đô thị và công nghiệp... Đó là các nhà máy thủy điện Ry Ninh II (8,1MW), Nà Loi (9,3 MW), Cản Đơn (80MW), Nậm Mu (15MW), Sê San 3A (100MW), Nậm Chiến (220MW), Xekaman 1..., Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì... Đến nay, các nhà máy thủy điện như: Ry Ninh 2, Nà Loi, Thác Trắng, IaKrongrou, Nậm Mu, Cản Đơn, Nhà máy thép Việt - Ý đã đi vào hoạt động góp phần tăng đáng kể tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

Ngày 08 tháng 7 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 669/QĐ-BXD về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà. Theo đó, giá trị thực tế doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hóa là 18.502.543.348.877 VND (Mười tám nghìn, năm trăm linh hai tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm bảy bảy đồng). Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà đã thống nhất thông qua phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà để trình Thủ tướng Chính phủ. Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2017.

Quyết định số 1138/QĐ-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Bộ Xây dựng điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà. Theo đó, giá trị thực tế doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hóa là 18.550.220.738.854 VND (Mười tám nghìn, năm trăm năm mươi tỷ, hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng).

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà lần thứ nhất thành công. Tổng công ty chính thức chuyển đổi từ mô hình DNNN sang mô hình Công ty cổ phần với tên gọi "Tổng công ty Sông Đà - CTCP". Tổng công ty

được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 06 tháng 04 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870.

Trong kế hoạch phát triển dài hạn của mình, Tổng công ty Sông Đà phân đầu trở thành Tổng công ty xây dựng mạnh hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực, cam kết phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội cao nhất, góp phần sự nghiệp phát triển của đất nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 06/4/2018, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng; | 2392 |
| 2 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; | 0810 |
| 3 | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản; | 0899 |
| 4 | Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa | 5022 |
| 5 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng | 4663 |
| 6 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán khoáng sản; | 4669 |
| 7 | Đóng tàu và cầu kiện nổi (<i>Trừ thiết kế phương tiện vận tải</i>) | 3011 |
| 8 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (<i>trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i>) Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền; | 3315 |
| 9 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp | 3320 |
| 10 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất | 3510 |
| 11 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: | |
| 12 | - Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thuỷ lợi, tổ hợp các công trình ngầm; - Thi công và xử lý nền móng công trình; | 4290 (Chính) |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 13 | Phá dỡ Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn | 4311 |
| 14 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ | 4933 |
| 15 | Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng | 8532 |
| 16 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : - Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế ; - Cho thuê văn phòng | 6810 |
| 17 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng; | 7110 |
| 18 | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; | 7210 |
| 19 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép); | 7830 |
| 20 | Đại lý du lịch | 7911 |
| 21 | Điều hành tua du lịch | 7912 |
| 22 | Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) | 55101 |

3. Thông tin về Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Tổng công ty thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng quy mô lớn bao gồm:

- Các cổ đông công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các ban chức năng.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban Tổng giám đốc

- Các ban chức năng: Kiểm soát nội bộ, Tài chính kế toán, Tổ chức nhân sự, Kinh tế, Đấu thầu, Quản lý kỹ thuật công nghệ, Kiểm tra - Pháp chế - Quản trị rủi ro, Chiến lược đầu tư, Văn phòng.

3.3 Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động KD chính | Tỷ lệ vốn góp (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
|--|--|---------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*) | Km 10, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội | Xây lắp | 40,77 | 40,77 | 40,77 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, Gia lai | Xây lắp | 51 | 51 | 51 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội | Xây lắp | 65 | 65 | 65 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp | 64,16 | 64,16 | 64,16 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội | Xây lắp | 65 | 65 | 65 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp | 58,5 | 58,5 | 58,5 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp | 62,27 | 62,27 | 62,27 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*) | Tầng 8, Nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp | 49 | 49 | 49 |
| CTCP PCCC và ĐTXD Sông Đà | Tầng 5 tòa nhà CT1-Vimeco, đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội | Xây lắp | 51 | 51 | 51 |
| CTCP Cơ khí - Lắp máy SĐà (*) | Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội | Xây lắp | 46,15 | 46,15 | 46,15 |
| CTCP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, Gia Lai | SX điện thương phẩm | 51 | 51 | 51 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La | SX điện thương phẩm | 58,58 | 58,58 | 58,58 |
| CTCP Thủy điện | Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù | SX điện | 50,96 | 50,96 | 50,96 |

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động KD chính | Tỷ lệ vốn góp (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
|---|--|--------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|
| Cần Đơn | Đốp, tỉnh Bình Phước | thương phẩm | | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | Nhà G9, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 51,01 | 51,01 | 51,01 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | Thu phí đường bộ | 100 | 100 | 100 |

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Các công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động KD chính | Tỷ lệ vốn góp (%) | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
|--|--|---------------------|-------------------|-----------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (*) | Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội | Xây lắp | 26,86 | 26,86 | 26,86 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | SX điện thương phẩm | 44,77 | 44,77 | 44,77 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa | Thu phí đường bộ | 36 | 36 | 36 |
| CTCP ĐTXD và Phát triển Đô thị Sông Đà | Số 19 phố Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | Bất động sản | 30 | 30 | 30 |
| CTCP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà | Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Bất động sản | 36,3 | 36,3 | 36,3 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | Tầng 26, khu A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 50 | 50 | 50 |

(*) Tại ngày lập báo cáo thường niên, CTCP Sông Đà 11 không còn là công ty liên kết của TCT Sông Đà.

3.5 Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| BĐH dự án Thủy điện Huội Quảng | Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La |
| Văn phòng Đại diện TCT Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu | Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu |
| BĐH dự án Thủy điện Sơn La | Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La |
| BĐH DA Thủy điện Xê ca mản 1 | Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, Ngọc Hồi, Kontum |
| BĐH DA Thủy điện Đồng Nai 5 | Thôn 5, xã Đăk Sin, H.Đăk R'Lấp, Đăk Nông |
| Ban điều hành DA Thủy điện Bản Vẽ | Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An |
| Ban điều hành DA Thủy điện Hòa Na | Xã Đồng Văn, Quế Phong, Nghệ An |
| BĐH DA Thủy điện Xê ca mản 3 | Thị trấn Thạnh Mỹ, Giang Nam, Quảng Nam |
| Ban điều hành gói thầu số 4 | Xã Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam |
| BQL dự án Thủy điện Sê Kông 3 | |

4. Định hướng phát triển của Tổng công ty

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty.

a. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Tổng công ty Sông Đà thành Tổng công ty mạnh ở trong nước và khu vực, có quy mô lớn, hiện đại, đa sở hữu, sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao trên các lĩnh vực chính là: (1) Tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC; (2) Đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện. Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Trong lĩnh vực Tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC: Là nhà thầu hàng đầu của Việt Nam và khu vực Asean.
- Trong lĩnh vực đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện: Là một trong những nhà đầu tư, kinh doanh điện lớn ở trong nước.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- TCT tiếp tục tập trung mọi nguồn lực vào các ngành kinh doanh chính: Tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC, Sản xuất điện. Riêng ngành phát triển nhà ở và đô thị, sẽ thực hiện thoái vốn ở thời điểm hợp lý, đảm bảo hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện thành công tái cấu trúc, sắp xếp lại các doanh nghiệp của TCT (từ công ty mẹ đến các công ty con, công ty liên kết) theo đề án đã được Bộ Xây dựng phê duyệt; Quản trị doanh nghiệp theo mô hình tiên tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
- Thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm, phấn đấu hàng năm trúng thầu khoảng 10.000 tỷ đồng thuộc các phân khúc ngành nghề kinh doanh chính của TCT.

- Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Hoàn thành mục tiêu, tiến độ, đảm bảo chất lượng xây lắp các công trình trọng điểm của đất nước.
- Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để có đủ trình độ và năng lực cạnh tranh khi hội nhập quốc tế.
- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, quản lý chặt chẽ hoạt động SXKD, đầu tư theo đúng phân khúc ngành nghề kinh doanh mà TCT đã định hướng, đảm bảo SXKD có hiệu quả, tích lũy vốn để phát triển.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu về tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, thiết kế, thi công và chế tạo thiết bị. Đặc biệt ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành và công nghệ thi công hầm giao thông và các dự án xây dựng đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty.

- Các công trình TCT thi công luôn đảm bảo công tác kỹ thuật, chất lượng, mỹ thuật, an toàn,... đảm bảo đúng tiến độ đề ra; Đồng thời đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp, môi trường xung quanh theo đúng quy định của Nhà nước và Chủ đầu tư.
- Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và hệ thống An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 tại Tổng công ty và các công trình.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, quan tâm tổ chức nơi ăn, ở cho người lao động tại các công trường, nhà máy, trang bị các phương tiện nghe nhìn, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của CBCNV, đặc biệt là tại các công trường vùng sâu, vùng xa.
- Tổng công ty luôn tích cực trong ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, từ thiện, nhân đạo, nhận phụng dưỡng suốt đời nhiều Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Xây dựng các quỹ khuyến học; ủng hộ kinh phí kiên cố hóa trường lớp học cho các xã nghèo vùng sâu, vùng xa; ủng hộ gây quỹ vì người nghèo; xây dựng mái ấm Công đoàn; giúp đỡ các CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn,....

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế: Bất kể sự thay đổi nào của tình hình vĩ mô đều làm ảnh hưởng ít hoặc nhiều tới hoạt động của các doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro về luật pháp: Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

5.3 Rủi ro liên quan đến các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng

Hiện nay, Tổng công ty Sông Đà là một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng và thi công các công trình trọng điểm trên cả nước. Chủ đầu tư của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng là các cơ quan nhà nước, các tập đoàn kinh tế và các

nhà đầu tư lớn thường đầu tư vào nhiều dự án, các công trình xây dựng cùng một thời điểm mà chưa thu xếp đủ các nguồn vốn. Các dự án do Chính phủ, các tập đoàn kinh tế và các nhà đầu tư lớn đầu tư đòi hỏi nguồn vốn rất lớn cho xây dựng, thời gian thi công công trình kéo dài trong khi việc nghiệm thu, quyết toán bàn giao được thực hiện từng phần với tiến độ chậm. Thực tế ở Việt Nam, việc giải ngân vốn của các dự án xây dựng thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian. Điều đó góp phần làm chậm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

Ngoài ra, trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng các tòa nhà cao tầng, có nhiều rủi ro và tai nạn lao động liên quan đến các hoạt động này. Các rủi ro này có thể dẫn tới tổn thương người lao động, làm thiệt hại hoặc phá hủy tài sản hoặc các phương tiện sản xuất, gián đoạn hoạt động kinh doanh, có thể phải gánh chịu các nghĩa vụ pháp lý, bị tổn hại uy tín kinh doanh và hình ảnh của Tổng công ty Sông Đà.

5.4 Rủi ro liên quan đến các dự án thủy điện: Các dự án thủy điện phụ thuộc vào nguồn nước của các con sông và lượng mưa để vận hành nên khả năng sản xuất điện bị ảnh hưởng bởi yếu tố tự nhiên như thời tiết và nguồn nước. Những thay đổi tiêu cực về thời tiết và biến đổi khí hậu trong thời gian qua cũng như sau này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của các nhà máy thủy điện, từ đó có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD chung của toàn Tổng công ty Sông Đà.

5.5 Rủi ro trong tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm: Cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp trong và ngoài nước nên việc làm cho CBCNV và lực lượng xe máy thiết bị của TCT là khó khăn.

5.6 Rủi ro biến động tỷ giá hối đoái: Hiện nay, nguồn thu ngoại tệ của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con không nhiều trong khi đó lại có các khoản vay nợ bằng ngoại tệ, như đồng EURO, đồng Đô la Mỹ. Sự mất giá của tiền Đồng Việt Nam có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá.

5.7 Rủi ro khác

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), rủi ro, tai nạn (cháy, nổ...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải.

Ngoài ra, các rủi ro khác như dịch họa, chiến tranh và khủng bố. v.v. là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và Tổng công ty Sông Đà nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bước vào thực hiện năm 2018, Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP, nhân sự cấp cao của TCT có sự thay đổi, bên cạnh đó trong điều kiện các công trình trọng điểm do TCT thi công đã hoàn thành nên sản lượng bị thiếu hụt, một số công trình chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán,...nhưng Tổng công ty đã khẩn trương

kiện toàn ổn định tổ chức, tập trung huy động lực lượng để sản xuất kinh doanh, năm 2018 đã đạt được kết quả chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | | | Tỷ lệ % | |
|----|----------------------------|-----------|--------------------|-----------|-------------------------|------------------|
| | | Kế hoạch | Từ 06/4-31/12/2018 | Năm nay | Từ 06/4-31/12 so với KH | Cả năm so với KH |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=2/1 | 5=3/1 |
| 1 | Tổng doanh thu và thu khác | 2.400.000 | 1.813.696 | 2.186.172 | 76% | 91% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 207.000 | 22.375 | 27.429 | 11% | 13% |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 186.000 | 22.375 | 27.429 | 12% | 15% |

(nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06/4 đến 31/12/2018 đã kiểm toán)

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty mẹ không đạt kế hoạch đề ra nguyên nhân: Tổng công ty Sông Đà - CTCP chính thức chuyển sang CTCP vào ngày 06/4/2018, theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định không được đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao tài chính. Vì vậy, việc trích lập dự phòng tài chính và dự phòng phải thu khó đòi được trích lập tại thời điểm 31/12/2018 nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đạt thấp do chuyển đổi sang hoạt động CTCP, Tổng công ty phải thực hiện trích lập dự phòng với tổng số tiền 239,097 tỷ đồng trong đó dự phòng đầu tư tài chính 179,962 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi 59,135 tỷ đồng. Do đó làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty mẹ Tổng công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban Tổng giám đốc: Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 188 người

2.1 Danh sách Ban điều hành:

| Danh sách lý lịch tóm tắt | Thông tin |
|---|--|
| 1. Ông Trần Văn Tuấn - Giới tính - Ngày tháng năm sinh - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn - Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác - Số cổ phiếu sở hữu cá nhân | - Nam - 18/01/1969 - Việt Nam - Cử nhân Tài chính kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Tổng giám đốc, thành viên HĐQT - Cổ phiếu: 10.000 cổ phiếu |

| Danh sách lý lịch tóm tắt | Thông tin |
|--|--|
| 2. Ông Nguyễn Văn Sơn - Giới tính - Ngày tháng năm sinh - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn - Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác - Số cổ phiếu sở hữu cá nhân | - Nam - 11/6/1969 - Việt Nam - Kỹ sư điện Tự động hoá, Thạc sĩ quản trị kinh doanh - Phó Tổng giám đốc TCT - Chủ tịch CTCP Sông Đà 11 - Chủ tịch CTCP thủy điện To Bông - Cổ phiếu: 0 |
| 3. Ông Phạm Đức Thành - Giới tính - Ngày tháng năm sinh - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn - Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác - Số cổ phiếu sở hữu cá nhân | - Nam - 11/12/1978 - Việt Nam - Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh - Phó Tổng giám đốc TCT - Chủ tịch CTCP PCCC và ĐTXD Sông Đà - Thành viên HĐQT CTCP ĐTXD và phát triển đô thị SDà - Cổ phiếu: 1.500 |
| 4. Ông Hoàng Ngọc Tú - Giới tính - Ngày tháng năm sinh - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn - Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác - Số cổ phiếu sở hữu cá nhân | - Nam - 11/12/1975 - Việt Nam - Kỹ sư XDCT ngầm và mỏ - Phó Tổng giám đốc TCT - Thành viên HĐQT CTCP SĐ 10 - Cổ phiếu: 0 |

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

| Cơ cấu CBCNV | Số lượng CBCNV tại 31/12/2018 | |
|------------------------------------|-------------------------------|------------|
| | Tổng công ty | Công ty mẹ |
| 1. Trên đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) | 188 | 34 |
| 2. Đại học | 2.438 | 113 |
| 3. Cao đẳng | 358 | 02 |
| 4. Trung cấp | 308 | 01 |
| 5. Công nhân kỹ thuật | 3.925 | 19 |
| 6. Lao động phổ thông và thời vụ | 2.501 | 03 |
| Tổng số | 9.722 | 172 |

- Tổng công ty áp dụng quy chế tiền lương cho người lao động theo tiêu chí đảm bảo thu nhập gắn với kết quả sản xuất kinh doanh. Khuyến khích tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Mặt khác, đảm bảo việc trả lương cho người lao động theo vị trí công việc, sắp xếp lao động hợp lý, xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định mỗi tháng 1 kỳ vào đầu tháng sau.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, đào tạo được Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

3.1 Dự án thủy điện Pake

- Chủ đầu tư – Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Dự án thủy điện Pake được xây dựng tại huyện SiMaCai, tỉnh Lào Cai và huyện Xí Mần, tỉnh Hà Hà Giang. Dự án có công suất 26MW, điện lượng bình quân là 96,4 triệu kWh/năm, tổng mức đầu tư là 875,6 tỷ đồng.

- Dự án được động thổ xây dựng vào tháng 5/2016. Đến nay 31/12/2018, phần lớn các hạng mục công trình xây dựng đang bám sát các mục tiêu tổng tiến độ. Đặc biệt đã hoàn thành mục tiêu chống lũ 2018 theo sơ đồ được duyệt; Thủ tục pháp lý đầu tư đường dây 110kV từ nhà máy về Xí Mần-Hà Giang đã hoàn thành trong quý IV/2018, hiện công tác thiết kế đường dây 110 kV đang được thực hiện, đền bù GPMB đã cơ bản hoàn thành đảm bảo điều kiện thi công trong quý I/2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào đóng điện trong năm 2019.

3.2 Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng

- Chủ đầu tư: Công ty CP Sông Đà 2

- Dự án được đầu tư xây dựng tại TP. Thái Nguyên, tổng vốn đầu tư là 1.019 tỷ đồng, tình hình thực hiện: (i) Các thủ tục đầu tư dự án: Đến nay đã quyết toán xong hạng mục cảnh quan, cây xanh (đã có quyết định phê duyệt quyết toán 09/10 hạng mục); UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký QĐ số 881 ngày 03/04/2018 giao đất cho Công ty với diện tích 13.972m²; Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch ô đất khách sạn KS01 và ô cao tầng CT01; Làm việc với UBND tỉnh và thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên chấp thuận chủ trương cho phép điều chỉnh quy hoạch; Cơ bản hoàn thành công tác GPMB và hỗ trợ GPMB; (ii) Công tác thi công: Tiếp tục thực hiện thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đất đã giải phóng và bàn giao mặt bằng (San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải và cảnh quan cây xanh).

4. Tình hình tài chính toàn Tổng công ty

4.1 Tình hình tài chính năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | | % tăng (+), giảm (-) | |
|----------------------|------------|-------------------|------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | từ 06/4 đến 31/12 | Cả năm | từ 06/4 đến 31/12 so với năm 2017 | Năm 2018/ năm 2017 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/2 | 6=4/2 |
| Tổng giá trị tài sản | 29.958.264 | 28.687.768 | 28.687.768 | -4% | -4% |
| Doanh thu thuần | 9.074.264 | 6.024.841 | 7.945.742 | -34% | -12% |
| Lợi nhuận từ HĐSXKD | 659.544 | 369.671 | 415.196 | -44% | -37% |
| Lợi nhuận khác | -13.057 | 24.852 | 22.932 | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 646.486 | 394.524 | 438.128 | -39% | -32% |
| Lợi nhuận sau thuế | 554.537 | 333.504 | 362.934 | -40% | -35% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đvt | Năm 2017 | Năm 2018 | |
|--|-----|----------|----------------|--------|
| | | | Từ 06/4- 31/12 | Cả năm |
| <i>1. Khả năng thanh toán</i> | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,05 | 0,99 | 0,99 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,81 | 0,78 | 0,78 |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,73 | 0,74 | 0,74 |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,72 | 2,81 | 2,81 |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | | |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0,30 | 0,21 | 0,28 |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | Lần | 0,06 | 0,06 | 0,05 |
| - ROE (Lợi nhuận ST/ vốn chủ sở hữu) | Lần | 0,07 | 0,04 | 0,05 |
| - ROA (Lợi nhuận ST/ tổng tài sản) | Lần | 0,02 | 0,01 | 0,01 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty mẹ:

5.1 Cổ phần tại 31/12/2018

- Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 449.537.112 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000, đồng/cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2018:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông: theo danh sách chốt đại hội cổ đông lần đầu ngày 26/3/2018.

| TT | Loại hình cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|-------------------|------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Nhà nước | 1 | 448.596.112 | 99,79% |
| 2 | Các tổ chức | 0 | | |
| 3 | Cá nhân | 273 | 941.000 | 0,21% |
| | Tổng cộng | 274 | 449.537.112 | 100% |

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trên 5%

| TT | Loại hình cổ đông | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|-------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Nhà nước | 448.596.112 | 99,79% |

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ,... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho dự án thủy điện, các thiết bị Tuabin, lò hơi, máy phát,... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp,... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tổng công ty Sông Đà hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường, chưa bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động

a. Quy chế trả lương, thưởng:

- Để đảm bảo quyền lợi, chế độ của người lao động, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành thường xuyên rà soát, xây dựng, sửa đổi và ban hành các quy chế,

hệ thống thang bảng lương phù hợp theo quy định của pháp luật nhà nước về lao động tiền lương.

- Công tác xây dựng và chi trả tiền lương cho CBCNV trong Tổng công ty thực hiện theo từng vị trí chức danh, vị trí công việc, gắn với hiệu quả thực hiện công việc và kết quả SXKD hàng năm đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch.

- Thu nhập của cán bộ quản lý và người lao động trong Tổng công ty đã thực hiện theo quy định của pháp luật Nhà nước về lao động, tiền lương.

b. *Chế độ đào tạo cho người lao động:*

- Luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho các CBCNV tham gia các chương trình đào tạo để nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức đào tạo nâng cao về năng lực quản lý và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý của Tổng công ty để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển, mô hình quản lý mới, cơ chế quản lý điều hành thay đổi và các lớp bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình, an toàn và bảo hộ lao động.

c. *Thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động*

- Tổng công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, 100% người lao động được tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổng công ty thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện công tác đóng và chi trả các chế độ bảo hiểm cho người lao động được kịp thời, đúng chế độ, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đôn đốc, chỉ đạo thực hiện tốt công tác nâng bậc lương hàng năm cho CBCNV đúng theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước.

- Công tác chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Tổng công ty. Trên các công trường lớn, Tổng công ty đều yêu cầu các đơn vị thi công ký hợp đồng với các Cơ sở y tế địa phương nơi đơn vị đóng quân để thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ cho người lao động trên công trường. Đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thành viên nghiêm túc thực hiện công tác khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động và thực hiện tốt chế độ nghỉ ngơi, điều dưỡng cho người lao động.

6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổng công ty luôn hỗ trợ các hoạt động xã hội của địa phương nơi sản xuất.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Thực hiện từ 06/4-31/12 | Thực hiện năm 2018 |
|----------------------|----------------|---------------|-------------------------|--------------------|
| Tổng doanh thu | 2.674.268 | 2.400.000 | 1.813.696 | 2.186.172 |
| Lợi nhuận trước thuế | 168.259 | 207.000 | 22.375 | 27.429 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp từ 06/4-31/12/ 2018 đã kiểm toán)

- Từ 06/4 đến 31/12/2018, Tổng doanh thu là 1.813,6 tỷ đồng, Lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty mẹ là 22,3 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu năm 2018 là 2.186 tỷ đồng đạt 91% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty mẹ là 27,42 tỷ đồng đạt 13% so với kế hoạch.

Nguyên nhân, do sản lượng không đạt kế hoạch; Lợi nhuận không đạt kế hoạch do Tổng công ty Sông Đà chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 06/4/2018, theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định không được đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao tài chính. Vì vậy, TCT thực hiện trích lập dự phòng với số tiền 239,097 tỷ đồng trong đó trích lập dự phòng đầu tư tài chính 179,962 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi 59,135 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2018, đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty mẹ Tổng công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Số cuối năm 2018 | Số đầu năm | Chênh lệch | |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| | | | Giá trị | % |
| A. Tài sản ngắn hạn | 13.256.687 | 13.776.425 | (519.738) | -3,8% |
| I.Tiền và các khoản tương đương tiền | 792.062 | 758.590 | 33.473 | 4,4% |
| II.Các khoản đầu tư tài chính | 370.555 | 331.520 | 39.035 | 11,8% |
| III.Các khoản phải thu | 9.031.088 | 9.338.360 | (307.272) | -3,3% |
| IV.Hàng tồn kho | 2.859.024 | 3.118.104 | (259.080) | -8,3% |
| V.Tài sản ngắn hạn khác | 203.957 | 229.851 | (25.895) | -11,3% |
| B.Tài sản dài hạn | 15.431.082 | 16.660.036 | (334.204) | -7,4% |
| I.Các khoản phải thu | 1.409.037 | 1.743.241 | (334.204) | -19,2% |
| II.Tài sản cố định | 10.111.391 | 10.013.521 | 97.869 | 1,0% |
| III.Bất động sản đầu tư | | | | |
| IV. Tài sản dở dang | 505.292 | 1.260.639 | (755.348) | -59,9% |
| V.Đầu tư tài chính dài hạn | 2.963.064 | 3.184.736 | (221.671) | -7,0% |
| VI.Tài sản dài hạn khác | 442.298 | 457.898 | (15.601) | -3,4% |
| Tổng cộng tài sản | 28.687.768 | 30.436.461 | (1.748.693) | -5,7% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06/4 đến 31/12/2018 đã kiểm toán)

2.2 Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

| Chỉ tiêu | Số cuối năm 2018 | Số đầu năm | Chênh lệch | |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| | | | Giá trị | % |
| A.Nợ phải trả | 21.150.657 | 22.654.139 | (1.503.482) | -6,6% |
| I.Nợ ngắn hạn | 13.327.168 | 13.351.651 | (24.483) | -0,2% |
| II.Nợ dài hạn | 7.823.489 | 9.302.489 | (1.479.000) | -15,9% |
| B. Vốn chủ sở hữu | 7.537.111 | 7.782.322 | (245.210) | -3,2% |
| I.Vốn chủ sở hữu | 7.537.077 | 7.782.287 | (245.210) | -3,2% |
| II.Nguồn kinh phí và quỹ khác | 35 | 35 | | 0,0% |
| Tổng cộng nguồn vốn | 28.687.768 | 30.436.461 | (1.748.693) | -5,7% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06/4 đến 31/12/2018 đã kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Về cơ cấu tổ chức, quản lý:

Năm 2018, Sau khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, TCT đã thực hiện việc cơ cấu lại mô hình tổ chức các ban chức năng, các ban chuyên môn của Đảng phù hợp với định hướng phát triển của TCT và những quy định của Đảng và pháp luật nhà nước, cụ thể như sau:

- Giải thể Ban quản lý dự án Tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao quản trị công ty.
- Sáp nhập Ban Quản trị rủi ro vào Ban Pháp chế và Ban Công nghệ Thông tin vào Văn phòng Tổng công ty.
- Cơ cấu, sắp xếp lại các Ban điều hành dự án của Tổng công ty phù hợp với yêu cầu thực tế của Tổng công ty.

3.2 Về quy chế, quy định:

Xây dựng, ban hành đầy đủ quy chế, quy định quản lý, điều hành nội bộ Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật nhà nước và mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.3 Các cơ chế chính sách về lao động, tiền lương

Do đặc thù công việc của Tổng công ty lao động thường xuyên phải làm việc ngoài trời, không ổn định, phụ thuộc thời tiết, địa điểm làm việc ở vùng sâu vùng xa... vì vậy Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã xây dựng chế độ đãi ngộ tốt hơn thông qua việc áp dụng các cơ chế chính sách về lao động, tiền lương theo cơ chế thị trường để thu hút, giữ chân được cán bộ quản lý giỏi và công nhân có trình độ cao đồng thời xây dựng danh mục chức danh vị trí công việc, tiêu trí đánh giá phân loại cụ thể gắn trách nhiệm, hiệu quả của việc thực hiện nhiệm vụ.

3.4 Công tác đấu thầu:

Tăng cường hơn công tác tiếp thị đấu thầu, mở rộng thị trường kinh doanh nhằm tìm kiếm việc làm đảm bảo kế hoạch SXKD; trú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp thị, đấu thầu đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng. TCT trực tiếp chủ

trì, chỉ đạo công tác tiếp thị đấu thầu đối với các công ty con, công ty liên kết; tăng cường thực hiện liên danh, liên kết trong công tác đấu thầu.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2019

4.1 Các chỉ tiêu về tài chính

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | | |
|----|----------------------|-------------------|-------------------|------------|-----------------|
| | | | Tổ hợp Sông Đà | Trong đó: | |
| | | | | Công ty mẹ | Các công ty con |
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 10 ⁹ đ | 10.000 | 1.500 | 8.500 |
| 2 | Tổng doanh thu | 10 ⁹ đ | 9.300 | 1.500 | 7.800 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 10 ⁹ đ | 460 | 100 | 360 |
| 4 | Nộp nhà nước | 10 ⁹ đ | 800 | 50 | 750 |
| 5 | Kế hoạch đầu tư | 10 ⁹ đ | 1.050 | 15 | 1.035 |

4.2 Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a. Công tác quản lý tiến độ, chất lượng và an toàn lao động:

- Chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung lực lượng thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng.
- Hoàn thành hồ sơ kỹ thuật phục vụ quyết toán khối lượng thủy điện Xêkaman 1, Xekaman Sanxay, Nhà Quốc hội; Hồ sơ kỹ thuật phục vụ nghiệm thu hết bảo hành công trình thủy điện Xêkaman 1, Xekaman Sanxay, Huội Quảng.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động – an sinh xã hội: Tiếp tục thực hiện hệ thống An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 của Tổng công ty tại các công trình; Tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong toàn Tổng công ty; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của TCT.

b. Công tác Tài chính tín dụng và Tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Hoàn thành quyết toán cổ phần hóa và bàn giao cho công ty cổ phần. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các thủ tục bán bớt phần vốn Nhà nước tại TCT theo chỉ đạo của Bộ Xây dựng.
- Xây dựng kế hoạch thoái vốn năm 2019 thực hiện thoái vốn theo kế hoạch đảm bảo hiệu quả công tác thoái vốn. Chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện thoái vốn theo kế hoạch.
- Tập trung thu vốn tại các công trình trọng điểm. Cân đối vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và trả nợ năm 2019 của công ty mẹ đúng hạn. Làm việc với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư các dự án trọng điểm của TCT.
- Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của TCT đúng quy định. Thông qua các nội dung về tài chính để các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
- Tăng cường hạch toán kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo SXKD có hiệu quả, tích lũy vốn để phát triển.

c. Công tác kinh tế:

- Làm việc với Cơ quan có thẩm quyền để quyết toán hợp đồng BOT của Dự án QL1A đoạn tránh Hà Tĩnh.
- Làm việc với EVN và các bộ ngành để giải quyết các vướng mắc chung của các dự án thủy điện: Bản vẽ, Sê San 4, Pleikrong.
- Thanh lý Hợp đồng Tổng thầu dự án SêSan 3, Sesan 4, Pleikrong, Hủa Na, Nhà quốc hội, Sơn La, Lai Châu. Hoàn thành quyết toán các dự án: thủy điện Huội Quảng, Đồng Nai 5, Xekaman1 Xanxay.

d. Công tác tiếp thị đấu thầu:

- Thực hiện chiến lược tiếp thị đấu thầu của TCT đã được phê duyệt, phần đấu năm 2019 trúng thầu đạt 8.500 tỷ đồng; Trong đó: Thực hiện đấu thầu các dự án trong nước; Các dự án về giao thông cao tốc Bắc Nam; Các dự án hồ chứa nước công trình thủy lợi; Phát triển mạnh thị trường thủy điện ở Lào và trong khu vực.
- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình theo chiến lược tiếp thị đấu thầu.

e. Công tác Chiến lược đầu tư:

- Chỉ đạo Chủ đầu tư tìm mọi giải pháp để đưa các 2TM TĐ Pake đưa vào phát điện.
- Thực hiện thủ tục cải tạo sửa chữa tòa nhà Sông Đà Thanh Xuân; Bảo trì sửa chữa tòa nhà Sông Đà đảm bảo công tác kinh doanh dự án.
- Hoàn thành bàn giao dự án đường tránh Hà Tĩnh cho cơ quan có thẩm quyền.
- Tiếp tục thực hiện rà soát các dự án đầu tư (từ thủ tục đầu tư, tổ chức quản lý điều hành, TMĐT, thiết kế, dự toán, vốn, đánh giá lại hiệu quả dự án,..) để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác đầu tư.
- Theo dõi kết quả trao đổi cấp cao giữa 02 chính phủ Việt Nam và Lào để thực hiện các thủ tục tiếp theo TĐ Sêkông 3.

f. Công tác tổ chức nhân sự:

- Sắp xếp định biên CBCNV năm 2019 của cơ quan Công ty Mẹ TCT, các Ban điều hành, Ban quản lý trực thuộc TCT.
- Rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của TCT tại các công ty con, liên kết phục vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Ký hợp đồng lao động, hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn của TCT tại các công ty con, liên kết (thay đổi trong năm 2019).
- Hoàn thành trình phê duyệt kết quả đánh giá người đại diện phần vốn của TCT tại doanh nghiệp.
- Phê duyệt kế hoạch đào tạo năm 2019 và mở các khóa đào tạo theo kế hoạch đào tạo được duyệt.

g. Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro:

- Thực hiện kiểm soát các đơn vị theo kế hoạch được duyệt (16 đơn vị).
- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến TCT.

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ của các đơn vị thành viên cho phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty để Người đại diện vốn của TCT tại các đơn vị làm cơ sở đưa vào biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt các yêu cầu của dự án, ngoài ra còn đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Tổng công ty luôn tích cực trong việc tuyên truyền bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh.

- Đã hoàn thành chuyển đổi xây dựng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2004 sang phiên bản mới 14001 :2015 và được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp chứng nhận tại Quyết định số 6061/QĐ-QUACERT ngày 18/10/2018. TCT Sông Đà đã áp dụng Hệ thống quản lý môi trường này với phạm vi toàn bộ hoạt động của tổng công ty.
- Đã phê duyệt và ban hành Quy trình đánh giá tác động môi trường và Quy trình đền bù, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện đầu tư dự án của TCT Sông Đà nhằm mục đích:
 - + Thống nhất quản lý hoạt động đánh giá tác động môi trường khi thực hiện dự án đầu tư của tổng công ty;
 - + Thống nhất quản lý hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện dự án đầu tư;
 - + Cơ chế giải quyết các khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5.2 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không có.

5.3 Chính sách liên quan đến người lao động

- Xây dựng chế độ tiền lương đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động
- Tổng công ty luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư, thợ có tay nghề cao,... để đáp ứng yêu cầu của các dự án. Lao động được đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên về quản lý dự án, quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động, tiếng Anh,...
- Chế độ chính sách: Tổng công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế.
- Đào tạo, tái đào tạo các yêu cầu về Chính sách an toàn xã hội và môi trường, các

tiêu chuẩn về môi trường, xã hội cho cán bộ của tổng công ty

- + TCT Sông Đà - CTCP vẫn duy trì các hoạt động đào tạo, tái đào tạo định kỳ hằng năm cho cán bộ của tổng công ty về chính sách an toàn xã hội và môi trường, các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội.
- + Trong năm 2018, Tổng công ty đã tổ chức tập huấn cho 142 CBCNV thuộc Cơ quan Tổng công ty. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị rà soát và tổ chức tập huấn cho các đối tượng làm công tác quản lý môi trường, an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị thành viên. Tổng số NSDLĐ được huấn luyện tại các đơn vị là 120 người; huấn luyện cho NLĐ 4386 người.

5.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đã phê duyệt và ban hành Quy trình và thủ tục tham vấn cộng đồng nhằm quy định các thủ tục và công tác tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng đối với các dự án do TCT Sông Đà hoặc các đơn vị trực thuộc TCT Sông Đà làm chủ dự án.

5.5 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

1.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2018, HĐQT triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Quy chế quản lý nội bộ của TCT về quản trị doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, đã phát huy tính hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và của từng thành viên HĐQT nói riêng. Kết quả SXKD như sau:

Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty mẹ - TCT và toàn TCT được xây dựng từ năm 2016 để đưa vào phương án CPH công ty mẹ - TCT; Ngày 12/2/2018 Bộ Xây dựng có văn bản số 316/BXD-QLDN thông qua nội dung đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của TCT Sông Đà – CTCP, trong đó có kế hoạch SXKD năm 2018 và đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất TCT Sông Đà - CTCP thông qua (Nghị quyết ngày 26/3/2018). Do kế hoạch của Công ty mẹ TCT được xây dựng từ năm 2016, nên đến năm 2018 tình hình thực tế đã có nhiều thay đổi, đặc biệt các công trình tiếp thị đấu thầu dự kiến đã đưa vào kế hoạch năm 2018 thi công như: TĐ Xêkaman 3 (PA vĩnh cửu), Xêkaman 4, Hòa Bình và Yaly mở rộng chưa triển khai thực hiện, bên cạnh đó chủ trương tham gia chào thầu phụ tại TĐ Nam Theun 1 thay đổi từ TCT sang trực tiếp các doanh nghiệp thành viên.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018:

- Từ 06/4 đến 31/12/2018, Tổng doanh thu là 1.813,6 tỷ đồng, Lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty mẹ là 22,3 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu năm 2018 là 2.186 tỷ đồng đạt 91% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty mẹ là 27,42 tỷ đồng đạt 13% so với kế hoạch.

Thoái vốn thu về số tiền 52,5 tỷ đồng;

Tiếp tục thực hiện rà soát lại các dự án đầu tư, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện đầu tư các dự án đưa vào vận hành trong năm 2018 và tập trung giải quyết các vướng mắc tại các dự án. Giá trị đầu tư thực hiện năm 2018 là 522 tỷ đồng đạt 80% kế hoạch năm.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công: Cơ bản đáp ứng yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác quản lý điều hành của TCT tại các công trình trọng điểm, đảm bảo mục tiêu được nêu trên.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động - QLMT và an sinh xã hội: Hoàn chỉnh hồ sơ Hệ thống OHSAS 18001:2007 phục vụ công tác đánh giá hệ thống của Viện BSI; Tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động và người lao động trong toàn Tổng công ty.
- Hoàn thành phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án HH4, TĐ Nậm Chiến.
- Toàn TCT trúng thầu và nhận thầu với giá trị 7.500 tỷ đồng. Các đơn vị trong TCT đã tích cực trong công tác tiếp thị đấu thầu, cơ bản đảm bảo việc làm cho năm 2018.

1.2 Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương:

Tổng công ty đã nhanh chóng kiện toàn, ổn định tổ chức để hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện công tác nhân sự, tổ chức từ TCT đến các đơn vị theo đề án được phê duyệt.

Luôn chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm đều cho cán bộ công nhân viên, chính sách tiền lương đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

1.3 Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Thực hiện việc công bố thông tin của Tổng công ty chưa niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

1.4 Trách nhiệm với môi trường và an sinh xã hội:

Hội đồng quản trị TCT đã chú trọng chỉ đạo TCT và các đơn vị trong toàn TCT tham gia các chương trình an sinh xã hội như: tham gia tặng quà tại các chương trình Xuân biên giới, Tết hải đảo; phối hợp với Viện Huyết học truyền máu trung ương để đăng cai chương trình hiến máu tình nguyện thường niên, ủng hộ đồng bào lũ lụt, nạn nhân chất độc màu da cam, Dioxin; xây dựng sân chơi cho thiếu nhi vùng khó khăn, xây dựng nhà nhân ái; tặng quà cho các công nhân có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà và học bổng cho các thiếu nhi, nhi đồng trong các dịp 01/6, Trung thu, và các cháu có thành tích tốt trong học tập; tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và tri ân các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sỹ, mẹ VNAH.....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của TCT và Quy chế Quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc (“TGD”) trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2018 như sau:

2.1 Phương thức giám sát:

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc thông qua các báo cáo tại các cuộc họp giao ban tháng, HĐQT định kỳ, các cuộc họp đột xuất hoặc họp HĐQT theo chuyên đề, thông qua thư điện tử và điện thoại về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/quyết định sau mỗi kỳ họp về: các thay đổi, dự báo và kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Ban Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai. Ngoài ra, Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT đã thực hiện việc giám sát các khía cạnh: Tình hình tài chính, quản lý đầu tư, tính tuân thủ, quản lý rủi ro thông qua cơ chế làm việc với các công ty con và công ty liên kết của TCT và các phòng ban chức năng của TCT.

2.2 Tiêu chí đánh giá:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh: Tiêu chí này được đánh giá qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của TCT và từng các chỉ tiêu cụ thể trong quý, tháng đã được HĐQT TCT phê duyệt.
- Mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc: được đánh giá theo ba tiêu chí: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ.

2.3 Kết quả:

Theo đánh giá của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có sự nỗ lực rất lớn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2018 bao gồm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1 Các chỉ tiêu chủ yếu

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | | |
|----|----------------------|-------------------|-------------------|------------|-----------------|
| | | | Tổ hợp Sông Đà | Trong đó: | |
| | | | | Công ty mẹ | Các công ty con |
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 10 ⁹ đ | 10.000 | 1.500 | 8.500 |
| 2 | Tổng doanh thu | 10 ⁹ đ | 9.300 | 1.500 | 7.800 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 10 ⁹ đ | 460 | 100 | 360 |
| 4 | Nộp nhà nước | 10 ⁹ đ | 800 | 50 | 750 |
| 5 | Kế hoạch đầu tư | 10 ⁹ đ | 1.050 | 15 | 1.035 |

3.2 Định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các thủ tục bán bớt phần vốn Nhà nước tại TCT;
- Thực hiện kế hoạch thoái vốn của TCT tại các doanh nghiệp theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của TCT; tăng cường công tác quản trị rủi ro;
- Chỉ đạo rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy định quản lý nội bộ của TCT;
- Chỉ đạo tập trung thu vốn tại các công trình trọng điểm;

- Chỉ đạo tập trung thực hiện chiến lược tiếp thị đầu thầu của TCT đã được phê duyệt, phân đấu năm 2019 trúng thầu đạt 8.500 tỷ đồng;
- Chỉ đạo sắp xếp định biên CBCNV năm 2019 của cơ quan Công ty Mẹ TCT, các Ban điều hành, Ban quản lý trực thuộc TCT;
- Rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của TCT tại các công ty con, liên kết.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số lượng CP nắm giữ (cá nhân) | % vốn NN/vốn ĐL | Đại diện | Chức danh nắm giữ tại công ty khác |
|----|---------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------|-----------------|--|
| 1 | Ông Hồ Văn Dũng | Chủ tịch HĐQT | 30.000 | 29,79% | Đại diện vốn NN | |
| 2 | Ông Trần Văn Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm TGD | 10.000 | 25% | Đại diện vốn NN | |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Tùng | Thành viên HĐQT | 100 | 15% | Đại diện vốn NN | Chủ tịch HĐQT Sudico, TV HĐQT CTCP Điện Việt Lào |
| 4 | Ông Phạm Văn Quán | Thành viên HĐQT | 3.000 | 15% | Đại diện vốn NN | |
| 5 | Ông Đặng Quốc Bảo | Thành viên HĐQT | 10.000 | 15% | Đại diện vốn NN | Chủ tịch HĐQT CT CP SĐà 6 |

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

TCT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, công việc được các thành viên HĐQT trực tiếp đảm nhiệm trong phân công nhiệm vụ

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Duy trì chế độ họp HĐQT định kỳ hàng quý:
- + Họp thường kỳ hàng quý 4 lần/năm để kiểm điểm tình hình SXKD hàng quý và xây dựng chương trình trọng tâm cho quý sau.
- + Ngoài ra với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm, tập thể HĐQT đã tham gia các hội nghị để thảo luận và giải quyết các công việc phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành.
- + Họp đột xuất HĐQT để thảo luận và thống nhất các nội dung quan trọng theo thẩm quyền của HĐQT.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT: Từng thành viên HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công tại Quyết định số 25/TCT-HĐQT ngày 23/4/2015-2018 đã tăng cường chỉ đạo, kiểm tra và giám sát công tác điều hành của

Ban Tổng giám đốc, các Ban điều hành, Ban quản lý dự án tại các công trường trọng điểm, Người đại diện phần vốn của TCT tại các doanh nghiệp và các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của HĐQT và theo đúng các chủ trương, Nghị quyết của HĐQT TCT đã ban hành.

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát

| TT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Số CP nắm giữ | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ |
|----|--------------------------|----------------|---------------|-------------------------|-------|
| 1 | Nguyễn Văn Thắng | Trưởng ban KS | 2.200 | 5/5 | 100% |
| 2 | Bà Trần Thị Mỹ Hào | Thành viên BKS | | 5/5 | 100% |
| 3 | Ông Phạm Văn Việt | Thành viên BKS | 5.000 | 5/5 | 100% |

2.2 Các hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã hoạt động tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát hoạt động của mình, công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban tổng giám đốc và cổ đông đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện việc giám sát công tác quản lý Doanh nghiệp của Hội đồng quản trị đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty. Các phiên họp của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ TCT. Số phiên họp của Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu mỗi quý 1 lần, ngoài ra đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, Hội đồng quản trị tổ chức xin ý kiến bằng văn bản để giải quyết các việc cấp bách đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh;
- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định khác của pháp luật và của Công ty;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong năm 2018 và giám sát việc tuân thủ các Điều lệ của Tổng công ty: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã được ban hành đúng thẩm quyền, được thông qua với sự nhất trí cao của các TV HĐQT, các nội dung của Nghị quyết/Quyết định này tuân thủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và Điều lệ TCT và được Ban Tổng giám đốc điều hành tổ chức triển khai cụ thể đối với từng Phòng/Ban, từng Đơn vị, đồng thời tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ, do vậy mọi vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời;
- Thẩm tra các thông tin trên báo cáo tài chính của Tổng công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018 theo chế độ kế toán hiện hành.
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo của Tổng giám đốc trình Đại hội cổ đông.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện tốt các nội dung đã được thông qua.
- Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát để thực hiện việc giám sát, kiểm soát của mình.
- Các văn bản, tài liệu của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đều được gửi tới các thành viên Ban Kiểm soát đầy đủ, đúng quy định.
- Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát đã được các Phòng/Ban cung cấp đầy đủ, hồ sơ, tài liệu, các thông tin liên quan đến chương trình làm việc.
- Phối hợp với HĐQT trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

2.4 Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã họp và bầu Trưởng ban Kiểm soát là Ông Nguyễn Văn Thắng ngày 26/3/2018.

3. Các giao dịch và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không
- Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác: Không
- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết: Không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

(theo Phụ lục đính kèm)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
TỪ NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 13 - 54 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|---|
| Ông Hồ Văn Dũng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Trần Văn Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Phạm Văn Quán | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Đặng Quốc Bảo | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---|
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Phạm Văn Viết | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Mỹ Hào | Thành viên | Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Trần Văn Tuấn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Hoàng Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018 |
| Ông Phạm Đức Thành | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty từ thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

GR
HIT
COP
NH
TOA
A
TAI
D

Số: 2.0397/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

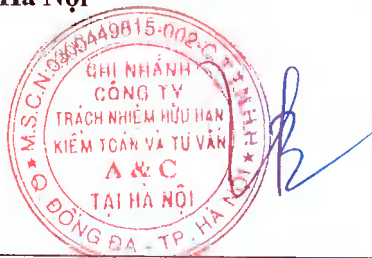
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số I.7 phần thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV tại ngày 05 tháng 4 năm 2018 đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 29/KTNN-TH ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả số 204/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 7.237.028.737.004 | 7.485.131.922.676 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 206.398.301.098 | 221.980.573.599 |
| 1. Tiền | 111 | | 206.398.301.098 | 221.980.573.599 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 236.381.661.250 | 191.381.661.250 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 21.381.661.250 | 21.381.661.250 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 215.000.000.000 | 170.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.697.561.068.599 | 6.969.995.929.802 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 2.616.455.571.307 | 2.532.629.976.133 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 117.623.999.596 | 107.737.990.851 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 2.957.455.077.864 | 3.487.107.802.595 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 1.065.162.057.485 | 842.520.160.223 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (59.135.637.653) | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 7.902.760.834 | 8.551.195.573 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 7.902.760.834 | 8.551.195.573 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 88.784.945.223 | 93.222.562.452 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 50.090.614.400 | 52.479.873.151 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 38.683.313.458 | 40.731.671.936 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 11.017.365 | 11.017.365 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 8.415.606.998.472 | 8.969.352.835.287 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.318.108.486.790 | 1.650.548.255.352 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 477.103.056.783 | 577.063.843.064 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 841.005.430.007 | 1.073.484.412.288 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 925.017.052.134 | 965.481.035.251 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 924.864.357.947 | 965.260.343.601 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.103.894.928.768 | 1.119.744.112.541 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (179.030.570.821) | (154.483.768.940) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 152.694.187 | 220.691.650 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 1.714.684.123 | 1.714.684.123 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.561.989.936) | (1.493.992.473) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 48.849.426.755 | 48.849.426.755 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 48.849.426.755 | 48.849.426.755 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 6.046.567.925.937 | 6.226.696.640.529 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2c | 3.509.267.425.514 | 3.509.267.425.514 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 2.560.712.347.810 | 2.560.712.347.810 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 156.550.987.205 | 156.716.867.205 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2c | (179.962.834.592) | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 77.064.106.856 | 77.777.477.400 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 77.064.106.856 | 77.777.477.400 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 15.652.635.735.476 | 16.454.484.757.963 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 11.134.889.205.957 | 11.959.113.637.963 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 6.650.549.786.232 | 7.036.470.766.955 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13a | 3.393.368.570.653 | 3.105.617.543.338 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 58.344.943.159 | 52.350.557.106 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 102.246.116.857 | 181.282.684.103 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 8.857.325.960 | 5.895.765.097 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 235.478.004.147 | 534.735.589.871 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17 | 10.400.631.022 | 11.895.374.222 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 1.145.250.054.351 | 936.454.626.333 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 1.682.210.306.069 | 2.182.118.941.917 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 14.393.834.014 | 26.119.684.968 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.484.339.419.725 | 4.922.642.871.008 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.13b | 648.710.168.314 | 825.077.165.881 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.17 | 155.901.887.726 | 142.092.356.823 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 59.416.574.335 | 63.338.381.338 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 3.620.310.789.350 | 3.892.134.966.966 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 4.517.746.529.519 | 4.495.371.120.000 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 4.517.746.529.519 | 4.495.371.120.000 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 4.495.371.120.000 | 4.495.371.120.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 4.495.371.120.000 | 4.495.371.120.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 22.375.409.519 | - |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 22.375.409.519 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 15.652.635.735.476 | 16.454.484.757.963 |

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kê toán trưởng

Vũ Đức Quang



Tổng Giám đốc

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.299.168.476.355 | 2.098.927.868.715 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.299.168.476.355 | 2.098.927.868.715 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.237.261.621.823 | 2.005.783.514.128 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 61.906.854.532 | 93.144.354.587 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 512.339.245.984 | 571.095.903.766 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 438.011.644.719 | 422.614.095.231 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 225.909.424.240 | 379.648.845.368 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 111.098.620.845 | 74.347.135.834 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 25.135.834.952 | 167.279.027.288 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 2.188.039.273 | 4.244.229.352 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 4.948.464.706 | 3.264.359.185 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.760.425.433) | 979.870.167 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 22.375.409.519 | 168.258.897.455 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>22.375.409.519</u> | <u>168.258.897.455</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 22.375.409.519 | 168.258.897.455 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10 | 30.192.011.232 | 25.793.195.178 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 239.098.472.245 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (25.207.682.835) | 18.817.114.146 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (463.003.326.984) | (436.381.764.590) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 225.909.424.240 | 379.648.845.368 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | 5.067.427.007 | 8.117.586.679 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 34.431.734.424 | 164.253.874.236 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (45.928.871.474) | (156.716.659.034) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 648.434.739 | (3.799.365) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 226.602.725.834 | (99.867.125.494) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 3.102.629.295 | 4.522.345.115 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | 5.201.773.114 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (253.876.925.001) | (360.899.058.538) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (20.939.121.929) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 69.962.107.706 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (11.725.850.954) | (19.296.737.129) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (67.685.245.066) | (392.843.279.389) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (5.538.272.727) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 895.466.818 | 2.310.602.274 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (163.800.000.000) | (25.384.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 704.815.868.088 | 846.197.643.833 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 165.880.000 | 404.935.239.563 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 255.095.869.456 | 372.095.275.852 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 797.173.084.362 | 1.594.616.488.795 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|----------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 1.828.505.060 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19 | 628.788.965.768 | 758.735.889.660 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (1.374.028.667.811) | (1.984.432.213.975) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (745.239.702.043) | (1.223.867.819.255) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (15.751.862.747) | (22.094.609.849) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 221.980.573.599 | 442.051.276.097 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 169.590.246 | 41.929.677 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 206.398.301.098 | 419.998.595.925 |

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; Xuất khẩu lao động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Khách sạn; Dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng công ty đang thực hiện việc quyết toán vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần, trong đó có một số vấn đề khó khăn, vướng mắc. Liên quan đến các khó khăn, vướng mắc trong việc quyết toán vốn nhà nước, Tổng công ty đã có văn bản số 150/TCT-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2018 và văn bản số 1173/BC-NĐDPV ngày 20 tháng 11 năm 2018 gửi Bộ Xây dựng. Cho đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty vẫn chưa nhận được văn bản hướng dẫn từ Bộ Xây dựng.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|----------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*) | Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 40,77% | 40,77% | 40,77% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai | Xây lắp | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 65,00% | 65,00% | 65,00% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 64,16% | 64,16% | 64,16% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 65,00% | 65,00% | 65,00% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 58,50% | 58,50% | 58,50% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 62,27% | 62,27% | 62,27% |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*) | Tầng 8, Nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*) | Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 46,15% | 46,15% | 46,15% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | SX điện thương phẩm | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La | SX điện thương phẩm | 58,58% | 58,58% | 58,58% |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước | SX điện thương phẩm | 50,96% | 50,96% | 50,96% |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 51,01% | 51,01% | 51,01% |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | Thu phí đường bộ | 100,00% | 100,00% | 100,00% |

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|---------------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 26,86% | 26,86% | 26,86% |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào | Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | SX điện thương phẩm | 44,77% | 44,77% | 44,77% |
| Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 | Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lư, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc | Thu phí đường bộ | 28,65% | 28,65% | 28,65% |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Thu phí đường bộ | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Bất động sản | 30,00% | 30,00% | 30,00% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Bất động sản | 36,30% | 36,30% | 36,30% |
| Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin | Tầng 26, khu A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước | Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su | 25,00% | 25,00% | 25,00% |

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng | Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La |
| Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu | Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La | Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1 | Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5 | Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ | Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na | Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An |
| Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3 | Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam |
| Ban điều hành gói thầu số 4 | Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam |
| Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Tổng công ty Sông Đà chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 06 tháng 4 năm 2018, do đó, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV tại ngày 05 tháng 4 năm 2018 đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 29/KTNN-TH ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả số 204/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 231 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính này là năm tài chính đầu tiên của Tổng công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần, bắt đầu từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Cơ quan Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

Đánh giá lại

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị định giá lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cộng thêm phần cổ tức nhận được bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phát sinh sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2018 được ghi nhận theo giá trị thị trường tại ngày này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Chi phí quản lý Ban điều hành

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 47 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| Tài sản cố định khác | 03 – 25 |

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện; doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 835.761.714 | 1.573.994.001 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 205.562.539.384 | 220.406.579.598 |
| Cộng | 206.398.301.098 | 221.980.573.599 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà, chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn | 1.600.500.000 | 1.600.500.000 |
| Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn | 1.577.041.250 | 1.577.041.250 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú | 18.204.120.000 | 18.204.120.000 |
| Cộng | 21.381.661.250 | 21.381.661.250 |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Dự phòng | Tại ngày 06/4/2018 | Dự phòng |
|---|--------------------------|-------------------------|--------------------------|----------|
| Đầu tư vào công ty con | 3.509.267.425.514 | (89.219.000.000) | 3.509.267.425.514 | |
| <i>Các Công ty Con do Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 ⁽ⁱ⁾ | 64.464.000.000 | (64.464.000.000) | 64.464.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 ⁽ⁱ⁾ | 72.975.500.000 | | 72.975.500.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 ⁽ⁱ⁾ | 196.843.824.000 | | 196.843.824.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ⁽ⁱ⁾ | 339.023.100.000 | | 339.023.100.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 ⁽ⁱ⁾ | 305.867.224.224 | | 305.867.224.224 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 ⁽ⁱ⁾ | 417.736.289.900 | | 417.736.289.900 | |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | 12.750.000.000 | (12.750.000.000) | 12.750.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | 228.073.875.831 | | 228.073.875.831 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến ⁽ⁱⁱ⁾⁽ⁱ⁾ | 538.954.275.894 | | 538.954.275.894 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn ⁽ⁱ⁾ | 1.010.880.360.000 | | 1.010.880.360.000 | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà ⁽ⁱ⁾ | 15.973.200.000 | | 15.973.200.000 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | 222.842.600.465 | | 222.842.600.465 | |
| <i>Các Công ty Con do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 ⁽ⁱ⁾ | 47.040.000.000 | | 47.040.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 12.005.000.000 | (12.005.000.000) | 12.005.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà ⁽ⁱ⁾ | 23.838.175.200 | | 23.838.175.200 | |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 2.560.712.347.810 | (90.600.000.000) | 2.560.712.347.810 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 51.820.100.000 | | 51.820.100.000 | |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào ⁽ⁱ⁾ | 1.107.039.446.070 | | 1.107.039.446.070 | |
| Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 | 128.215.909.014 | | 128.215.909.014 | |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 20.887.000.000 | | 20.887.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 84.000.000.000 | | 84.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱ⁾ | 1.065.245.494.600 | | 1.065.245.494.600 | |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 3.504.398.126 | | 3.504.398.126 | |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱⁱ⁾ | 100.000.000.000 | (90.600.000.000) | 100.000.000.000 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Dự phòng | Tại ngày 06/4/2018 | Dự phòng |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------|
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 156.550.987.205 | (143.834.592) | 156.716.867.205 | |
| <i>Đầu tư cổ phiếu</i> | <i>156.440.987.205</i> | <i>(143.834.592)</i> | <i>156.606.867.205</i> | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex ⁽ⁱⁱ⁾ | 55.396.800.278 | | 55.297.680.278 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh ⁽ⁱⁱ⁾ | 13.082.914.986 | | 13.082.914.986 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà | 1.536.000.000 | | 1.536.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất | 538.200.000 | | 538.200.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng | 5.000.000.000 | | 5.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao | 300.000.000 | | 300.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang | 5.930.749.831 | | 5.930.749.831 | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeco | 4.573.200.000 | | 4.573.200.000 | |
| Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà | 25.724.000.000 | | 25.724.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà | 165.300.000 | (143.834.592) | 165.300.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 | 35.258.322.110 | | 35.258.322.110 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn | 2.000.000.000 | | 2.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.935.500.000 | | 7.200.500.000 | |
| <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i> | <i>110.000.000</i> | | <i>110.000.000</i> | |
| Tập đoàn Hà Thành | 110.000.000 | | 110.000.000 | |
| Cộng | 6.226.530.760.529 | (179.962.834.592) | 6.226.696.640.529 | |

(i) Các khoản đầu tư có giá gốc là 5.299.329.753.539 VND và giá trị ghi sổ là 5.234.865.753.539 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 4.998.186.707.729 VND.

(ii) Trong đó, các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 38.718.000.000 | 38.718.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn | 7.200.500.000 | 7.200.500.000 |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 906.600.000 | 906.600.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 |
| Cộng | 57.525.100.000 | 57.525.100.000 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang làm thủ tục phá sản, các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 |
|----------------------------|--|
| Số đầu năm | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 176.198.738.818 |
| Số cuối năm | 176.198.738.818 |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 |
|--|--|
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)</i> | |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 2 | 1.431.272.169 |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)</i> | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ, xây dựng phải thu Sông Đà 3 | 2.215.067.708 |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 3 | 208.026.382 |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 3 | 16.582.678.769 |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)</i> | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 4 | 605.880.099 |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 4 | 2.381.966.673 |
| Lãi vay phải thu Sông Đà 4 | 36.144.155 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 4 | 6.695.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)</i> | |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 5 | 34.028.714.005 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 5 | 16.681.680.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)</i> | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh, doanh thu khác phải thu Sông Đà 6 | 2.027.863.935 |
| Chi phí bảo lãnh phải trả Sông Đà 6 | 93.972.603 |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 6 | 46.887.534.580 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 6 | 18.081.232.000 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**Từ ngày 06 tháng 4
năm 2018 đến ngày 31
tháng 12 năm 2018**

| | |
|---|-----------------|
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)</i> | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh, doanh thu khác phải thu Sông Đà 9 | 509.995.928 |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 9 | 97.868.797.284 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 9 | 20.026.944.000 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)</i> | |
| Doanh thu phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 10 | 125.371.540 |
| Doanh thu Phí tổng thầu phải thu Sông Đà 10 | 1.291.034.114 |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 10 | 429.310.012.611 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 10 | 15.964.444.200 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (Sông Đà 12)</i> | |
| Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 12 | 3.572.998.393 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A (Sê San 3A)</i> | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ phải thu Sê San 3A | 80.099.670 |
| Cổ tức phải thu Sê San 3A | 64.260.000.000 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (Thủy điện Nậm Chiến)</i> | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ phải thu Thủy điện Nậm Chiến | 78.000.000 |
| Doanh thu kinh phí thầu phụ phải thu Thủy điện Nậm Chiến | 306.530.127 |
| Doanh thu xây dựng phải thu Thủy điện Nậm Chiến | 16.201.566.364 |
| Giảm doanh thu do quyết toán | 8.201.496.621 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Cần Đơn)</i> | |
| Giá vốn điện thương phẩm phải trả Cần Đơn | 299.367.882.779 |
| Cổ tức phải thu Cần Đơn | 158.224.752.000 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (Tư vấn Sông Đà)</i> | |
| Cổ tức phải thu Tư vấn Sông Đà | 1.331.100.000 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)</i> | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ phải thu Sông Đà 2 | 50.143.040 |
| Doanh thu kinh phí thầu phụ phải thu Sông Đà 2 | 54.480.974 |
| | |
| <i>Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (Cơ khí Lắp máy Sông Đà)</i> | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 757.328.045 |
| Lãi vay phải thu | 189.292.132 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Từ ngày 06 tháng 4
năm 2018 đến ngày 31
tháng 12 năm 2018

| | |
|---|----------------|
| Chi phí Công trình phải trả Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 1.585.440.419 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Sông Đà 11) | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 11 | 101.589.091 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà 11 | 3.352.996.945 |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào (điện Việt Lào) | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ phải thu điện Việt Lào | 599.714.657 |
| Lãi vay phải thu điện Việt Lào | 49.151.706.585 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa) | |
| Doanh thu phí bảo lãnh phải thu nhà Khánh Hòa | 21.519.611 |
| Cổ tức phải thu nhà Khánh Hòa | 2.088.700.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin (Sông Đà – Ucrin) | |
| Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà - Ucrin | 10.361.128 |
| Cổ tức phải thu Sông Đà - Ucrin | 68.871.065 |

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 1.566.349.823.272 | 1.582.624.739.225 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 172.231.496 | 1.744.210.869 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 2.222.708 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 12.653.775 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | | 268.558.223 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 109.348.874 | 12.487.244 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | | 55.281.778 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 750.675.342 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 343.800.339 | 343.800.339 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 2.580.598.208 | 2.535.129.734 |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | 308.574.796 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | 44.432.400 | 37.172.520 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 687.819.635.530 | 716.899.507.293 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 130.844.505 | 28.683.535 |
| Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà | 137.382.974 | 135.536.119 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 317.668.617 | 387.170.462 |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào | 12.486.535.661 | 2.565.445.845 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 2.151.961 | |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 3.596.165.254 | 1.962.157.963 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH Điện Xekaman1 | 290.678.870.397 | 296.983.446.328 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 566.856.030.435 | 558.663.762.523 |
| Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | | 2.388.450 |
| Phải thu các khách hàng khác | 1.050.105.748.035 | 950.005.236.908 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội | 74.217.366.641 | 90.895.064.278 |
| Ban Quản lý Dự án thủy điện 4 | 63.231.823.051 | 63.231.823.051 |
| Ban quản lý Dự án Thủy điện 1 | 14.790.889.694 | 24.494.533.480 |
| Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La | 15.265.148.545 | 107.354.933.312 |
| Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin | 455.499.407.652 | 470.353.102.719 |
| Ban quản lý Thủy điện 2-Tập đoàn điện lực Việt Nam | 28.507.591.468 | 29.735.962.068 |
| Ban quản lý Dự án Thủy điện Xê Bang Hiêng | 3.329.000 | 3.329.000 |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam | 10.734.019.094 | 12.529.682.897 |
| Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 91.898.810.583 | 24.547.432.561 |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn | 22.169.761.062 | 22.831.395.038 |
| Liên danh CMC/ITD/Sông Đà | 161.757.904.400 | 18.244.954.395 |
| Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na | 64.705.222.023 | 72.705.222.023 |
| Các khách hàng khác | 47.324.474.822 | 13.077.802.086 |
| Cộng | 2.616.455.571.307 | 2.532.629.976.133 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 166.866.298.027 | 217.259.317.086 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | 19.002.468.644 | |
| Công ty TNHH Điện Xekaman1 | 147.863.829.383 | 217.259.317.086 |
| Phải thu các khách hàng khác | 310.236.758.756 | 359.804.525.978 |
| Ban quản lý Dự án Thủy điện 1 | 181.593.875.281 | 179.112.937.503 |
| Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La | 128.642.883.475 | 180.691.588.475 |
| Cộng | 477.103.056.783 | 577.063.843.064 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 58.062.953.019 | 49.999.412.168 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | | 300.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 2.354.883.910 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 260.000.000 | 260.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | | 298.241.996 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 10.010.783 | 10.010.783 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 1.145.959.608 | 2.830.349.121 |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây | 32.544.694 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| dựng Sông Đà | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 917.078.578 | 848.580.685 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 46.342.475.446 | 37.594.858.522 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | | 1.686.641.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | | 355.110.549 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 2.000.000.000 | 815.619.512 |
| Trả trước cho người bán khác | 59.561.046.577 | 57.738.578.683 |
| Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10 | 9.225.966.125 | 9.225.966.125 |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) | 2.335.146.896 | 2.335.146.896 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Thịnh | 3.325.874.568 | 3.713.730.688 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại sông Đà | 3.550.832.842 | 3.542.825.069 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang | 13.702.950.000 | 13.702.950.000 |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung | 1.897.744.626 | 5.673.121.824 |
| Công ty Cổ phần SbTech | 8.713.025.756 | 8.713.025.756 |
| Các nhà cung cấp khác | 16.809.505.764 | 10.831.812.325 |
| Cộng | 117.623.999.596 | 107.737.990.851 |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 880.224.654.732 | 833.170.104.719 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 1.748.824.313 | 1.558.612.690 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | 2.914.707.188 | 2.597.674.109 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà | 2.027.453.211 | 2.027.453.211 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | 873.533.670.020 | 826.986.364.709 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 2.077.230.423.132 | 2.653.937.697.876 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - vay vốn lưu động | 977.009.156.984 | 977.009.156.984 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại ^(*) | 1.061.512.960.765 | 1.638.563.492.972 |
| Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng ^(*) | 23.608.305.383 | 23.265.047.920 |
| Viện Kinh tế Xây dựng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Sử Pán 2 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Cộng | 2.957.455.077.864 | 3.487.107.802.595 |

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 166.633.351.942 | 168.312.994.023 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | 104.145.839.587 | 105.195.621.122 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 62.487.512.355 | 63.117.372.901 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 674.372.078.065 | 905.171.418.265 |
| Sở Xây dựng Sơn La | 100.000.000 | 100.000.000 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại (*) | 674.272.078.065 | 905.071.418.265 |
| Cộng | 841.005.430.007 | 1.073.484.412.288 |

(*) Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng chưa có xác nhận khoản Tổng Công ty cho vay.

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 364.138.173.926 | 234.949.630.281 |
| Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia | 268.785.335.936 | 133.735.184.871 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 4.080.000.000 | 4.080.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 16.737.500.000 | 10.042.500.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 16.681.680.000 | 26.690.688.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 56.503.850.000 | 38.422.618.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 20.026.944.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 15.964.444.200 | 15.964.444.200 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | | 135.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 735.000.000 | 735.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | 30.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | 70.322.112.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 36.300.750.000 | 36.300.750.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 1.433.055.736 | 1.364.184.671 |
| Phải thu các khoản khác | 95.352.837.990 | 101.214.445.410 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | | 1.019.358.285 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 914.922.468 | 58.673.331 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 500.000.000 | 606.978.704 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 786.094.139 | 4.563.706.205 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | | 26.011.325 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 380.000.000 | 5.151.664.051 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 1.852.843.966 | 3.612.463.966 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | | 45.468.474 |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | | 75.734.009 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 28.956.856.828 | 29.378.747.836 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | 505.474.298 | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | | 49.081.195 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 22.195.956.080 | 19.075.281.870 |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào | 31.275.976.162 | 29.791.611.549 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 | | 18.989.756 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | | 19.570.316 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 26.242.254 | 26.242.254 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long | | 3.969.042 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | | 244.866.696 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu | 135.567.867 | 135.567.867 |
| Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1 | 41.962.777 | 131.963.777 |
| Công ty TNHH điện Xekaman 3 | 7.280.941.151 | 7.175.716.160 |
| Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | 500.000.000 | 2.778.742 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 701.023.883.559 | 607.570.529.942 |
| Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia | 29.263.030.000 | 38.014.310.000 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại | 458.665.930.971 | 442.166.167.790 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – Các khoản khác | | 73.480.135 |
| Tạm ứng | 6.148.644.153 | 4.932.611.106 |
| Phải thu về cổ phần hoá | 5.858.915.738 | 5.916.915.738 |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 10.951.104.658 | 2.895.534.247 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 190.136.258.039 | 113.571.510.926 |
| Cộng | 1.065.162.057.485 | 842.520.160.223 |

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng |
|--|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng - cổ tức | trên 3 năm | 19.763.178.000 | 19.763.178.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 1 | trên 3 năm | 18.894.343.754 | 18.894.343.754 |
| Hiệp hội Đầu tư Xây dựng Năng Lượng Việt nam | trên 3 năm | 3.122.520.000 | 3.122.520.000 |
| Các đối tượng khác | trên 3 năm | 17.355.595.899 | 17.355.595.899 |
| Cộng | | 59.135.637.653 | 59.135.637.653 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

| | Từ ngày 06/4/2018 đến ngày 31/12/2018 |
|----------------------------|--|
| Số đầu năm | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 59.135.637.653 |
| Số cuối năm | 59.135.637.653 |

8. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|--------------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 43.785.715 | | 77.422.488 | |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 7.858.975.119 | | 8.473.773.085 | |
| Cộng | 7.902.760.834 | | 8.551.195.573 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey ⁽ⁱ⁾ | 47.677.389.977 | 47.677.389.977 |
| Chi phí thiết bị văn phòng | 438.467.706 | 1.915.534.256 |
| Phí bảo lãnh | | 2.568.536.375 |
| Chi phí thuê tư vấn dự thầu Dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh | 1.602.316.873 | |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 372.439.844 | 318.412.543 |
| Cộng | 50.090.614.400 | 52.479.873.151 |

- (i) Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí tư vấn tái cấu trúc | 48.762.169.973 | 50.330.292.133 |
| Thương hiệu Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾ | 10.664.870.228 | 14.219.826.965 |
| Chi phí quản lý Ban điều hành | 17.557.903.966 | 12.343.204.362 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 12.270.001 | 682.819.104 |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - G10 | 61.013.718 | 81.351.624 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 5.878.970 | 119.983.212 |
| Cộng | 77.064.106.856 | 77.777.477.400 |

- (ii) Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định trên cơ sở thống kê các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của Tổng công ty trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (từ năm 2010 đến năm 2014). Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCF

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 685.709.249.633 | 94.777.111.192 | 55.940.072.217 | 12.537.565.145 | 270.780.114.354 | 1.119.744.112.541 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.944.190.436) | (183.739.653) | (5.495.612.921) | (381.916.035) | | (6.061.268.609) |
| Bản giao về DATC | (2.944.190.436) | (6.282.882.526) | (375.192.202) | (185.650.000) | | (9.787.915.164) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 682.765.059.197 | 88.310.489.013 | 50.069.267.094 | 11.969.999.110 | 270.780.114.354 | 1.103.894.928.768 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.605.218.900 | 321.593.708 | 2.658.054.920 | 790.298.182 | 615.330.000 | 5.990.495.710 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 43.684.297.535 | 31.559.629.210 | 28.148.990.004 | 8.072.278.299 | 43.018.573.892 | 154.483.768.940 |
| Khấu hao trong kỳ (sau khi điều chỉnh HH4) | 12.385.670.392 | 4.616.350.415 | 3.080.768.336 | 1.170.850.923 | 8.870.373.703 | 30.124.013.769 |
| Thanh lý, nhượng bán | (183.739.653) | (183.739.653) | (5.011.556.200) | (381.916.035) | | (5.577.211.888) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 56.069.967.927 | 35.992.239.972 | 26.218.202.140 | 8.861.213.187 | 51.888.947.595 | 179.030.570.821 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 642.024.952.098 | 63.217.481.982 | 27.791.082.213 | 4.465.286.846 | 227.761.540.462 | 965.260.343.601 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 626.695.091.270 | 52.318.249.041 | 23.851.064.954 | 3.108.785.923 | 218.891.166.759 | 924.864.357.947 |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 593.200.484.598 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|----------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 337.478.200 | 1.187.205.923 | 190.000.000 | 1.714.684.123 |
| Mua trong năm | | | | |
| Tại ngày 31/12/2018 | 337.478.200 | 1.187.205.923 | 190.000.000 | 1.714.684.123 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | 847.283.923 | | 847.283.923 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 305.529.602 | 1.156.268.424 | 32.194.447 | 1.493.992.473 |
| Khấu hao trong năm | 12.421.071 | 27.604.167 | 27.972.225 | 67.997.463 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 317.950.673 | 1.183.872.591 | 60.166.672 | 1.561.989.936 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 31.948.598 | 30.937.499 | 157.805.553 | 220.691.650 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 19.527.527 | 3.333.332 | 129.833.328 | 152.694.187 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản Dự án Thủy điện Sekong 3.

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 2.816.091.500.296 | 2.527.739.591.263 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 5.482.996.312 | 6.135.174.139 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 234.696.718.446 | 222.515.740.986 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 170.938.969.805 | 152.639.123.533 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 138.962.172.975 | 147.143.403.112 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 253.716.692.112 | 288.077.394.502 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 331.702.181.576 | 251.213.074.603 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 610.381.202.287 | 505.592.187.377 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 89.897.310.846 | 91.245.411.556 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 484.124.017 | 484.124.017 |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | 247.001.253 | 247.001.253 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | 508.659.809.766 | 415.595.092.827 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 11.102.754.099 | 9.188.413.084 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 154.844.103.383 | 147.979.736.722 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 1.037.957.000 | 5.400.482.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 67.070.600.000 | 67.070.600.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 5.009.920.074 | 4.097.729.222 |
| Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1 | 137.783.309.197 | 131.776.137.540 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long | 60.813.835.165 | 60.627.456.855 |
| Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà | 23.048.044.491 | 10.247.545.195 |
| Công ty TNHH Xekaman 3 | 13.640.090 | 13.640.090 |
| Công ty TNHH MTV tư vấn thiết kế Someco | 1.254.400.146 | 1.254.400.146 |
| Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 | 8.943.757.256 | 6.492.991.211 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - Jurong | - | 2.702.731.293 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 577.277.070.357 | 577.877.952.075 |
| Công ty Cổ phần Lilama 10 | 34.368.020.331 | 34.758.996.531 |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | 19.058.747.224 | 18.819.927.983 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05 | 8.042.689.133 | 79.023.258.297 |
| Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam | 12.038.325.974 | 12.038.325.974 |
| Tổng công ty Cơ khí Xây dựng | 5.239.627.771 | 14.246.904.253 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Sông Đà | 1.408.723.077 | 16.793.505.111 |
| Công ty cổ phần Sông Đà 7 | 73.864.350.347 | 90.294.635.883 |
| Công ty Cổ phần Licogi 12 | 31.059.926.508 | 31.085.903.508 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà | 15.965.536.910 | 49.378.605.310 |
| Các nhà cung cấp khác | 376.231.123.082 | 231.437.889.225 |
| Cộng | 3.393.368.570.653 | 3.105.617.543.338 |

13b. Phải trả người bán dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 534.260.755.750 | 670.728.175.151 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 1.086.331.251 | 4.904.150.455 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 11.852.955.628 | 14.135.479.595 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | 45.064.319.840 | 65.112.655.925 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 68.702.989.675 | 72.240.129.224 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | 102.202.816.251 | 114.635.654.367 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 76.451.502.701 | 131.855.406.487 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 127.441.949.306 | 146.698.104.676 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 9.948.735.511 | 10.942.288.511 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 4.156.955.063 | 4.351.870.473 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | 1.983.573.283 | 4.052.893.410 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | 45.245.684.772 | 53.012.270.750 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 1.758.904.122 | 1.770.399.466 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 9.076.273.157 | 9.628.968.779 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 | 18.919.307.024 | 26.787.764.844 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long | 10.368.458.166 | 10.006.940.769 |
| Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | | 593.197.420 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 114.449.412.564 | 154.348.990.730 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà | 8.388.694.656 | 9.108.091.024 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7 | 56.152.431.196 | 58.673.637.744 |
| Công ty Cổ phần SDP | 3.061.708.000 | 3.702.910.000 |
| Công ty Cổ phần SCI | 10.452.369.667 | 24.469.990.962 |
| Công ty cổ phần đầu tư và thương mại dầu khí Sông Đà | 4.302.246.888 | 4.637.550.848 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc | 6.341.035.112 | 6.851.229.090 |
| Các nhà cung cấp khác | 25.750.927.045 | 46.905.581.062 |
| Cộng | 648.710.168.314 | 825.077.165.881 |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | 45.370.646.592 | 36.846.852.488 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 580.083.678 | 580.083.678 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman1 | 22.171.254.431 | 13.647.460.327 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 22.359.308.483 | 22.359.308.483 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 12.974.296.567 | 15.503.704.618 |
| Ban quản lý Dự án thủy điện 4 | 2.233.353.000 | 2.233.353.000 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà Quốc Hội | 2.771.963.165 | 2.771.963.165 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 6.194.880.000 | 6.194.880.000 |
| Các đối tượng khác | 1.774.100.402 | 4.303.508.453 |
| Cộng | 58.344.943.159 | 52.350.557.106 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPC

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 06/4/2018 | | Số phát sinh trong năm | Tại ngày 31/12/2018 | |
|--|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | | Số phải nộp trong năm | Phải nộp |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.043.132.225 | | (595.138.015) | 3.316.112.464 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 20.939.121.929 | | (20.939.121.929) | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 431.553.692 | 11.017.365 | (353.069.078) | 751.615.617 | 11.017.365 |
| Tiền thuế đất | 1.682.231.647 | | (4.444.334.242) | 728.637.371 | |
| Các loại thuế khác | 124.385.634 | | (5.000.000) | 121.385.634 | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 17.996.977.891 | | (18.684.653.801) | 562.113.420 | |
| Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách | 139.065.281.085 | | (42.299.028.734) | 96.766.252.351 | |
| Cộng | 181.282.684.103 | 11.017.365 | (87.320.345.799) | 102.246.116.857 | 11.017.365 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----|
| - Hoạt động xây lắp, bán điện | 10% |
| - Hoạt động dịch vụ | 10% |
| - Hoạt động cho thuê văn phòng | 10% |
| - Hoạt động cho thuê xe ô tô | 10% |
| - Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất | 0% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phí ban điều hành | 1.641.360.077 | 1.439.701.349 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 86.546.848.950 | 355.363.610.130 |
| Chi phí lãi trái phiếu phải trả | 344.186.301 | 33.910.136.986 |
| Chi phí công trình xây dựng | 129.071.212.727 | 137.278.800.605 |
| Chi phí thuê đất năm 2018 | 11.652.309.142 | |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 6.222.086.950 | 6.743.340.801 |
| Cộng | 235.478.004.147 | 534.735.589.871 |

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>166.302.518.748</i> | <i>153.987.731.045</i> |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 10.400.631.022 | 11.895.374.222 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 155.901.887.726 | 142.092.356.823 |
| Cộng | 166.302.518.748 | 153.987.731.045 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 193.442.675.905 | 244.613.747.753 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | 1.285.342.364 | 1.286.770.429 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 168.420.093 | 15.699.083.901 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 193.860.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 13.755.883.496 | 520.007.987 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 125.496.113 | 125.496.113 |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | 39.069.000 | 39.069.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | 52.548.450 | 33.793.200 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 159.390.000 | 159.390.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | 173.183.933.118 | 222.271.403.852 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucerin | 51.435.000 | 51.435.000 |
| Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | 13.200.000 | 13.200.000 |
| Công ty TNHH điện Xekaman 3 | 4.414.098.271 | 4.414.098.271 |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 951.807.378.446 | 691.840.878.580 |
| Kinh phí công đoàn | 458.788.959 | 554.229.391 |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | 589.107.885 | 492.797.975 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 21.657.976.820 | 15.443.125.102 |
| Các quỹ tự nguyện | 22.269.757.219 | 23.288.614.000 |
| Lãi vay NIB | | 8.702.906.204 |
| Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính | 370.755.500.517 | 121.203.333.894 |
| Phải trả về cổ phần hoá | 901.280.000 | 901.280.000 |
| Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa | 475.244.873.145 | 475.244.873.145 |
| Phải trả về TSCĐ không cần dùng chờ bàn giao | | 9.787.915.164 |
| Phải trả Công ty Mua bán nợ - DATC | 1.947.947.214 | 1.695.454.546 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 57.982.146.687 | 34.526.349.159 |
| Cộng | 1.145.250.054.351 | 936.454.626.333 |

18b. Phải trả dài hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink | 600.000.000 | 600.000.000 |
| Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 53.416.574.335 | 57.338.381.338 |
| Phải trả người ủy thác đầu tư | 51.359.220.000 | 51.525.100.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.057.354.335 | 2.057.354.335 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu tái thiết tòa nhà HH4 | | 3.755.927.003 |
| Cộng | 59.416.574.335 | 63.338.381.338 |
| 19. Vay ngắn hạn/dài hạn | | |
| 19a. Vay ngắn hạn | | |
| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | 310.778.496.409 | 253.124.413.607 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam | 286.231.063.848 | 122.916.039.682 |
| <i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i> | 53.894.031.990 | 63.472.939.539 |
| <i>Chi nhánh Hà Tây</i> | 232.337.031.858 | 59.443.100.143 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình | - | 11.567.554.262 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 24.547.432.561 | 118.640.819.663 |
| <i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i> | 253.299.254 | 254.093.087 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i> | 1.371.178.510.406 | 1.928.740.435.223 |
| Cộng | 1.682.210.306.069 | 2.182.118.941.917 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Tại ngày 06/4/2018 | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại | Số tiền vay đã trả trong năm | Tại ngày 31/12/2018 |
|--|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | 253.124.413.607 | 628.788.965.768 | | | 571.134.882.966 | 310.778.496.409 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 122.916.039.682 | 604.241.533.207 | | | 440.926.509.041 | 286.231.063.848 |
| <i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i> | 63.472.939.539 | 116.313.644.080 | | | 125.892.551.629 | 53.894.031.990 |
| <i>Chi nhánh Hà Tây</i> | 59.443.100.143 | 487.927.889.127 | | | 315.033.957.412 | 232.337.031.858 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình | 11.567.554.262 | | | | 11.567.554.262 | |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 118.640.819.663 | 24.547.432.561 | | | 118.640.819.663 | 24.547.432.561 |
| <i>Vay ngắn hạn đến hạn trả</i> | 254.093.087 | | | | 793.833 | 253.299.254 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | 1.928.740.435.223 | | 308.521.769.786 | 63.495.424.822 | 802.588.269.781 | 1.371.178.510.406 |
| Ngân hàng NIB | 482.622.857.625 | | 114.471.131.671 | 22.414.352.491 | 45.317.753.189 | 529.361.883.616 |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường | 97.945.795.781 | | 24.263.294.289 | (709.502.603) | 57.924.593.375 | 64.993.999.298 |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt | 2.982.711.735 | | 3.277.058.205 | | 2.982.711.735 | 3.277.058.205 |
| Ngân hàng Natixis | 333.020.572.367 | | 166.510.285.621 | 8.534.591.062 | 333.020.572.367 | 157.975.694.559 |
| Quỹ tích lũy nợ - Bộ Tài chính | 1.012.168.497.715 | | | 33.255.983.872 | 363.342.639.115 | 615.569.874.728 |
| Cộng | 2.182.118.941.917 | 628.788.965.768 | 308.521.769.786 | 63.495.424.822 | 1.373.723.946.580 | 1.682.210.306.069 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | 2.473.779.610.518 | 2.750.671.215.141 |
| Ngân hàng NIB | 76.314.582.004 | 201.092.856.499 |
| Ngân hàng Natixis | | 166.510.285.621 |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường | 2.322.311.182.140 | 2.305.698.662.967 |
| Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt | 75.153.846.374 | 77.369.410.054 |
| Trái phiếu thường dài hạn (*) | 1.146.531.178.832 | 1.141.463.751.825 |
| Mệnh giá trái phiếu | 1.160.000.000.000 | 1.160.000.000.000 |
| Phí phát hành trái phiếu | (13.468.821.168) | (18.536.248.175) |
| Cộng | 3.620.310.789.350 | 3.892.134.966.966 |

(*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi với kỳ hạn là 3 năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2017 để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC và MEC.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 31/12/2018 | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.229.388.246.196 | 755.608.635.678 | 2.473.779.610.518 | |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 615.569.874.728 | 615.569.874.728 | | |
| Trái phiếu thường | 1.146.531.178.832 | | 1.146.531.178.832 | |
| Cộng | 4.991.489.299.756 | 1.371.178.510.406 | 3.620.310.789.350 | |
| Tại ngày 06/4/2018 | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.667.243.152.649 | 916.571.937.508 | 687.788.444.978 | 2.062.882.770.163 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 1.012.168.497.715 | 1.012.168.497.715 | | |
| Trái phiếu thường | 1.141.463.751.825 | | 1.141.463.751.825 | |
| Cộng | 5.820.875.402.189 | 1.928.740.435.223 | 1.829.252.196.803 | 2.062.882.770.163 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Tại ngày 06/4/2018 | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Phân bổ chi phí phát hành Trái phiếu | Tại ngày 31/12/2018 |
|------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--|--|--------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.750.671.215.141 | 31.934.886.394 | 304.721.231 | 308.521.769.786 | | 2.473.779.610.518 |
| Ngân hàng NIB | 201.092.856.499 | (10.307.142.824) | | 114.471.131.671 | | 76.314.582.004 |
| Ngân hàng Natixis | 166.510.285.621 | | | 166.510.285.621 | | |
| Vay ADB - vay thông thường | 2.305.698.662.967 | 40.875.813.462 | | 24.263.294.289 | | 2.322.311.182.140 |
| Vay ADB - vay đặc biệt | 77.369.410.054 | 1.366.215.756 | 304.721.231 | 3.277.058.205 | | 75.153.846.374 |
| Trái phiếu thường | 1.141.463.751.825 | | | | (5.067.427.007) | 1.146.531.178.832 |
| Mệnh giá | 1.160.000.000.000 | | | | | 1.160.000.000.000 |
| Phí phát hành | (18.536.248.175) | | | | (5.067.427.007) | (13.468.821.168) |
| Cộng | 3.892.134.966.966 | 31.934.886.394 | 304.721.231 | 308.521.769.786 | (5.067.427.007) | 3.620.310.789.350 |

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi | Cộng |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 19.279.319.286 | 6.840.365.682 | 26.119.684.968 |
| Chi quỹ trong năm | (7.157.500.000) | (4.568.350.954) | (11.725.850.954) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 12.121.819.286 | 2.272.014.728 | 14.393.834.014 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 4.495.371.120.000 | | 4.495.371.120.000 |
| Lợi nhuận trong năm | | 22.375.409.519 | 22.375.409.519 |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>4.495.371.120.000</u> | <u>22.375.409.519</u> | <u>4.517.746.529.519</u> |

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn nhà nước | 4.485.961.120.000 | 4.485.961.120.000 |
| Vốn đối tượng khác | 9.410.000.000 | 9.410.000.000 |
| Cộng | <u>4.495.371.120.000</u> | <u>4.495.371.120.000</u> |

21c. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|-------------------------------------|---------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 449.537.112 | 449.537.112 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 449.537.112 | 449.537.112 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 449.537.112 | 449.537.112 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 449.537.112 | 449.537.112 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 449.537.112 | 449.537.112 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|-----------------|---------------------|--------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 5.867,76 | 244.536,12 |
| Euro (EUR) | 0,01 | |
| Yên Nhật (¥) | 6,00 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 800.842.398.454 | 1.298.543.746.320 |
| Doanh thu bán điện | 299.367.882.779 | 356.093.480.475 |
| Doanh thu bán thiết bị | 95.061.976.534 | 321.789.282.418 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 63.412.889.693 | 68.939.741.170 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 40.483.328.895 | 53.561.618.332 |
| Cộng | 1.299.168.476.355 | 2.098.927.868.715 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|-------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 774.809.381.912 | 1.274.513.451.636 |
| Giá vốn kinh doanh điện | 299.367.882.779 | 356.093.480.475 |
| Giá vốn thiết bị | 95.061.976.534 | 321.789.282.418 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng | 53.986.202.238 | 43.109.490.626 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 14.036.178.360 | 10.277.808.973 |
| Cộng | 1.237.261.621.823 | 2.005.783.514.128 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi | 9.907.586.928 | 3.197.518.020 |
| Lãi tiền cho vay | 140.497.218.241 | 229.709.261.795 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 312.791.896.345 | 203.808.329.376 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 7.156.648.121 | 8.420.159.976 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 23.473.878.349 | 10.982.042.042 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác | 18.512.018.000 | 113.918.832.118 |
| Doanh thu khác | | 1.059.760.439 |
| Cộng | 512.339.245.984 | 571.095.903.766 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|---|-------------------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 128.320.715.040 | 236.897.578.132 |
| Chi phí lãi trái phiếu | 97.588.709.200 | 142.751.267.236 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 31.352.185.895 | 8.286.577.713 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 29.799.156.188 |
| Phí lưu ký chứng khoán | | 3.139.974.411 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn | 179.962.834.592 | |
| Chi phí tài chính khác | 787.199.992 | 1.739.541.551 |
| Cộng | 438.011.644.719 | 422.614.095.231 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 27.390.195.693 | 43.523.406.112 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 644.987.526 | 1.624.866.266 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.924.351.133 | 546.376.353 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.029.747.399 | 3.811.115.094 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.295.115.654 | 2.977.682.334 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 59.135.637.653 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.898.830.761 | 9.425.879.786 |
| Chi phí bằng tiền khác | 10.792.795.902 | 13.986.200.506 |
| Cộng | 116.111.661.721 | 75.895.526.451 |
| Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ (xem thuyết minh V.9b) | 12.343.204.362 | 9.802.097.868 |
| Trích trước chi phí quản lý năm trước (xem thuyết minh V.16) | 1.439.701.349 | (878.228.131) |
| Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay | 111.098.620.845 | 74.347.135.834 |
| Trích trước chi phí quản lý năm sau (xem thuyết minh V.16) | 1.641.360.077 | |
| Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau (xem thuyết minh V.9b) | 17.557.903.966 | 10.472.260.354 |

6. Thu nhập khác

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 411.410.097 | |
| Phí y tế và bảo vệ công trình | 1.268.262.933 | 1.384.047.967 |
| Phí chuyển tiền chi hộ các đơn vị | 25.167.504 | 47.934.163 |
| Tiền thu tưới nước chống bụi | | 309.835.632 |
| Các khoản khác | 483.198.739 | 2.502.411.590 |
| Cộng | 2.188.039.273 | 4.244.229.352 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Lỗi thanh lý tài sản cố định | | 323.165.623 |
| Chi phí tưới nước chống bụi | | 309.835.632 |
| Phạt nộp chậm thuế | 1.055.331.745 | |
| Phạt chậm nộp lợi nhuận về NSNN | 2.526.966.305 | |
| Phạt hành chính | 72.736.219 | |
| Phí y tế và bảo vệ công trình | 1.268.262.933 | 1.384.047.967 |
| Phí chuyển tiền | 25.167.504 | 47.934.163 |
| Chi phí khác | | 1.199.375.800 |
| Cộng | 4.948.464.706 | 3.264.359.185 |

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|----------------|
| Lãi vay nhập gốc | | 39.871.170.019 |
| Lãi cho vay nhập gốc | 47.890.562.774 | 64.334.089.984 |
| Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ | | 23.986.134.476 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 872.030.107 VND

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Công ty con Sông Đà | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | Công ty con |
| Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6 và V.13, V.14 và V.18.

15-6
HÀP
G T
MH
VÀ
C
HÀ P
A - T

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

| | <u>Lĩnh vực Xây lắp</u> | <u>Lĩnh vực Thủy điện</u> | <u>Lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Từ ngày 06/4/2018 đến ngày 31/12/2018 | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 800.842.398.454 | 299.367.882.779 | 198.958.195.122 | 1.299.168.476.355 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u>800.842.398.454</u> | <u>299.367.882.779</u> | <u>198.958.195.122</u> | <u>1.299.168.476.355</u> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | <u>26.033.016.542</u> | | <u>35.873.837.990</u> | 61.906.854.532 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (111.098.620.845) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | (49.191.766.313) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 512.339.245.984 |
| Chi phí tài chính | | | | (438.011.644.719) |
| Thu nhập khác | | | | 2.188.039.273 |
| Chi phí khác | | | | (4.948.464.706) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | <u>22.375.409.519</u> |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | <u>-</u> |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | <u>18.611.167.935</u> | <u>6.957.156.553</u> | <u>4.623.686.744</u> | <u>30.192.011.232</u> |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

| | Lĩnh vực Xây lắp | Lĩnh vực Thủy điện | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|
| Tại ngày 31/12/2018 | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 9.022.987.316.381 | 70.827.586.298 | 30.778.613.689 | 9.124.593.516.368 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 6.528.042.219.108 |
| Tổng tài sản | | | | 15.652.635.735.476 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 10.313.599.302.977 | 508.659.809.766 | 201.526.650.397 | 11.023.785.763.140 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 111.103.442.817 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 11.134.889.205.957 |
| Tại ngày 06/4/2018 | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 9.741.959.066.151 | | 31.724.127.133 | 9.773.683.193.284 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 6.680.801.564.679 |
| Tổng tài sản | | | | 16.454.484.757.963 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 11.170.759.947.293 | 415.595.092.827 | 185.580.148.643 | 11.771.935.188.763 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 187.178.449.200 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 11.959.113.637.963 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay |
|--------------------|--------------------------|
| Khu vực trong nước | 861.472.688.722 |
| Khu vực nước ngoài | 437.695.787.633 |
| Cộng | 1.299.168.476.355 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

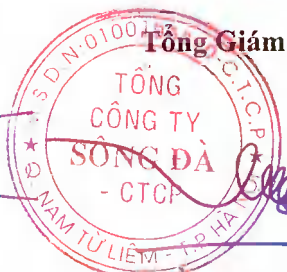
Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỪ NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2018
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 13 - 57 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|--------------------------|
| Ông Hồ Văn Dũng | Chủ tịch | Ngày 09 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Trần Văn Tuấn | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Tùng | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Phạm Văn Quân | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Đặng Quốc Bảo | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Trưởng ban | Ngày 09 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Phạm Văn Việt | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Mỹ Hào | Thành viên | Ngày 26 tháng 3 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Trần Văn Tuấn | Tổng giám đốc | Ngày 10 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Hoàng Ngọc Tú | Phó Tổng giám đốc | Ngày 08 tháng 7 năm 2018 |
| Ông Phạm Đức Thành | Phó Tổng giám đốc | Ngày 08 tháng 7 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Phó Tổng giám đốc | Ngày 08 tháng 7 năm 2018 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------|----------------|-----------------------------------|
| Ông Vũ Đức Quang | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong trong. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Trần Văn Tuấn

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Số: 2.0398/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số I.7 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 06 tháng 4 năm 2018 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết giai đoạn từ 06 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán (riêng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào chưa được kiểm toán). Số liệu ngày 06 tháng 4 năm 2018 trên Báo cáo tài chính các công ty con, công ty liên kết được lấy theo báo cáo tài chính (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 chưa được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 783/KTNN – TH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con là Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Chúng tôi không được thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*công ty con*), Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*công ty liên kết*) được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

008
NH
TY
HỮU
HẠN
C
NỘI
TP

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 13.256.686.548.645 | 13.776.424.789.169 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 792.062.478.397 | 758.589.653.071 |
| 1. Tiền | 111 | | 623.266.434.752 | 571.781.282.897 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 168.796.043.645 | 186.808.370.174 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 370.554.860.930 | 331.519.579.347 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 26.522.739.614 | 26.522.739.614 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (2.610.510.864) | (2.610.510.864) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 346.642.632.180 | 307.607.350.597 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 9.031.088.336.261 | 9.338.360.478.076 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 4.558.034.480.220 | 4.423.642.698.179 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 457.621.948.817 | 331.427.304.341 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 3.050.855.595.293 | 3.605.439.861.069 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 1.309.992.396.288 | 1.268.555.106.845 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (356.428.515.903) | (291.651.727.006) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 11.012.431.546 | 947.234.648 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.8 | 2.859.024.304.136 | 3.118.103.866.882 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.871.889.384.808 | 3.118.885.014.665 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (12.865.080.672) | (781.147.783) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 203.956.568.921 | 229.851.211.793 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 73.326.122.799 | 84.166.062.262 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 123.384.478.124 | 138.276.415.750 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.19 | 7.245.967.998 | 7.408.733.781 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 15.431.081.591.781 | 16.660.036.262.963 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.409.037.314.918 | 1.743.241.476.912 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 676.794.347.328 | 769.187.561.847 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 674.372.078.065 | 905.171.418.265 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 67.885.645.850 | 68.882.496.800 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | V.7 | (10.014.756.325) | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 10.111.390.566.691 | 10.013.521.450.594 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.12 | 10.078.860.750.167 | 9.985.161.767.806 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 18.390.047.085.470 | 17.687.643.897.819 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (8.311.186.335.303) | (7.702.482.130.013) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.13 | 21.161.395.239 | 16.543.382.245 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 32.825.583.090 | 19.740.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (11.664.187.851) | (3.196.617.755) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.14 | 11.368.421.285 | 11.816.300.543 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 16.603.366.011 | 16.603.366.011 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (5.234.944.726) | (4.787.065.468) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 505.291.590.216 | 1.260.639.347.829 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.15 | - | 119.327.896.203 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.16 | 505.291.590.216 | 1.141.311.451.626 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.963.064.343.051 | 3.184.735.626.341 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 2.693.723.508.560 | 2.927.878.375.993 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2d | 300.328.899.478 | 295.807.665.478 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2d | (30.988.064.987) | (38.950.415.130) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 442.297.776.905 | 457.898.361.287 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 247.841.551.779 | 244.123.297.767 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 2.399.361.833 | 2.375.988.848 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | V.10 | 18.948.440.616 | 18.634.456.723 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.11 | 173.108.422.677 | 192.764.617.949 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 28.687.768.140.426 | 30.436.461.052.132 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 21.150.656.995.917 | 22.654.139.456.487 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 13.327.167.956.292 | 13.351.650.877.203 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.17a | 2.381.717.582.558 | 2.304.061.414.755 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.18a | 1.158.161.075.840 | 661.890.066.234 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.19 | 386.945.215.579 | 476.194.675.539 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 306.821.552.367 | 267.488.343.573 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.20 | 535.954.383.722 | 1.181.500.354.186 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.21 | 10.400.631.022 | 12.243.028.468 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.22a | 2.192.443.543.653 | 1.526.589.910.029 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.23a | 6.299.856.715.062 | 6.871.236.343.554 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 286.503.920 | 5.894.270.996 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.24 | 54.580.752.569 | 44.552.469.869 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.823.489.039.625 | 9.302.488.579.284 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.17b | 182.623.868.672 | 202.960.295.386 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | 5.046.353.580 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.21 | 95.082.584.485 | 80.190.228.253 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.22b | 119.876.398.541 | 242.690.054.733 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.23b | 7.403.622.697.377 | 8.738.251.895.842 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 15.066.468.160 | 12.102.293.191 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 7.217.022.390 | 20.997.045.980 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | 250.412.319 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 7.537.111.144.509 | 7.782.321.595.645 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.25 | 7.537.076.548.912 | 7.782.287.000.048 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 4.495.371.120.000 | 4.495.371.120.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 4.495.371.120.000 | 4.495.371.120.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 121.567.440.382 | 87.348.327.332 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 20.998.948.125 | 19.953.408.828 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (1.629.294.875.287) | (1.629.294.875.287) |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 242.940.292.010 | 294.376.962.459 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 749.636.060.130 | 486.391.358.613 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 6.798.115.744 | 3.797.338.433 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 916.981.352.886 | 1.044.056.396.987 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 774.148.134.754 | 1.044.056.396.987 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 142.833.218.132 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | 9.749.706 | 8.499.721 |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 2.612.068.345.216 | 2.980.278.462.962 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 34.595.597 | 34.595.597 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.41 | 34.595.597 | 34.595.597 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 28.687.768.140.426 | 30.436.461.052.132 |

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu



Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 6.057.731.056.927 | 9.133.090.245.317 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 32.890.309.829 | 58.825.767.254 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 6.024.840.747.098 | 9.074.264.478.063 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 4.520.454.979.389 | 7.131.889.675.994 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.504.385.767.709 | 1.942.374.802.069 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 242.005.304.675 | 566.411.361.846 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 882.060.756.296 | 1.289.601.390.819 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 821.119.597.529 | 1.261.674.630.138 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | VI.8 | 22.493.282.981 | 106.116.594.714 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 5.680.524.027 | 8.079.387.395 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 511.471.662.396 | 657.678.470.608 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 369.671.412.646 | 659.543.509.807 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 45.799.803.249 | 69.920.424.547 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 20.947.251.988 | 82.977.671.737 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 24.852.551.261 | (13.057.247.190) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 394.523.963.907 | 646.486.262.617 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 58.201.657.495 | 89.240.236.061 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 2.818.715.824 | 2.709.269.554 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>333.503.590.588</u> | <u>554.536.757.002</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>142.833.218.132</u> | <u>370.027.309.991</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>190.670.372.456</u> | <u>184.509.447.011</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>318</u> | - |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | <u>318</u> | - |

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Mai Hương

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 394.523.963.907 | 646.486.262.617 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 727.024.263.208 | 927.155.531.252 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 69.965.911.823 | 20.252.201.083 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (14.146.030.944) | 29.832.611.727 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (208.900.865.197) | (578.071.697.550) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 821.119.597.529 | 1.261.674.630.138 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | 5.067.427.007 | 7.697.586.679 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 1.794.654.267.333 | 2.315.027.125.946 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (297.846.017.592) | (76.511.591.659) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 374.449.218.593 | 284.227.499.822 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 588.246.203.318 | (1.118.673.403.748) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 17.040.035.808 | (8.856.087.455) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | 15.917.747.204 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (676.340.706.583) | (1.101.198.438.453) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (69.230.439.731) | (95.969.023.811) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 7.754.105.054 | 72.314.065.194 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (42.970.319.540) | (67.880.132.270) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.695.756.346.660 | 218.397.760.770 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (257.982.110.864) | (382.324.159.892) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 6.133.780.124 | 74.703.055.257 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (193.190.955.054) | (85.219.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 764.085.969.840 | 914.917.284.318 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (10.146.114.000) | (10.799.042.499) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 4.672.043.069 | 792.906.299.285 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 266.397.702.816 | 385.519.085.315 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 579.970.315.931 | 1.689.703.521.784 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | | 1.828.505.060 | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 4.301.550.789.218 | | 6.904.420.758.582 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (6.196.735.628.176) | | (8.534.745.081.045) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (9.488.524.373) | | (6.443.750.000) | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (337.650.561.760) | | (156.855.673.745) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.242.323.925.091) | | (1.791.795.241.148) | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 33.402.737.500 | | 116.306.041.406 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 758.589.653.071 | 799.271.914.308 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 70.087.826 | 197.665.427 | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 792.062.478.397 | 915.775.621.141 | |

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

002
NH
TY
HỮU H
TƯ V
C
NỘI
TP. H

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty Mẹ và 26 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|----------------------------------|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*) | Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 40,77% | 40,77% | 40,77% | 40,77% |
| 2. Công ty Cổ phần Sông Đà 3 | Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai | Xây lắp | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| 3. Công ty Cổ phần Sông Đà 4 | Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 65,00% | 65,00% | 65,00% | 65,00% |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 4. Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | Tầng 5, tháp B, Tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 64,16% | 64,16% | 64,16% | 64,16% |
| 5. Công ty Cổ phần Sông Đà 6 | Tầng 2, tòa nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 65,00% | 65,00% | 65,00% | 65,00% |
| 6. Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 58,50% | 58,50% | 58,50% | 58,50% |
| 7. Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | Tầng 10-11, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 62,27% | 62,27% | 62,27% | 62,27% |
| 8. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*) | Tầng 8, khối B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 49,00% | 49,00% | 49,00% | 49,00% |
| 9. Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà | Tầng 5, tòa nhà CT1-Vimeco, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| 10. Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*) | Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 46,15% | 46,15% | 46,15% | 46,15% |
| 11. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A | Số 96, đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | Kinh doanh thủy điện | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| 12. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La | Kinh doanh thủy điện | 58,58% | 58,58% | 58,58% | 58,58% |
| 13. Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước | Kinh doanh thủy điện | 50,96% | 50,96% | 50,96% | 50,96% |
| 14. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà | Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Dịch vụ tư vấn | 51,01% | 51,01% | 51,01% | 51,01% |
| 15. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà | Xóm 7, Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | Thu phí đường bộ | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% |

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty trên ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của các công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp | | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà | Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 40,77% | 40,77% | 100,00% | 100,00% |
| 2. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô | Thôn Măng đen, xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum | Kinh doanh thủy điện | 50,48% | 50,48% | 98,97% | 98,97% |
| 3. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu | Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang | Kinh doanh thủy điện | 29,83% | 29,83% | 51,00% | 51,00% |
| 4. Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô | Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 22,65% | 22,65% | 75,90% | 75,90% |
| 5. Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 | Xã Ia monông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Xây lắp | 62,27% | 62,27% | 100,00% | 100,00% |
| 6. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He | Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên | Kinh doanh thủy điện | 34,92% | 34,92% | 56,09% | 56,09% |
| 7. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên | Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Kinh doanh thủy điện | 41,41% | 41,41% | 81,25% | 81,25% |
| 8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà | Thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương | Xây lắp | 37,48% | 37,48% | 73,48% | 73,48% |
| 9. Công ty Cổ phần Someco Hà Giang | Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang | Kinh doanh thủy điện | 42,71% | 41,88% | 92,55% | 90,74% |
| 10. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco | Phòng 1004, tầng 10, CT4, khu đô thị mới Mỹ Đình, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 46,15% | 46,15% | 100,00% | 100,00% |
| 11. Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco | C40, TT6 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 46,15% | 46,15% | 100,00% | 100,00% |

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-------------------------------|--|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 26,86% | 26,86% | 26,86% | 26,86% |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 2. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Kinh doanh thủy điện | 38,29% | 39,18% | 38,29% | 39,18% |
| 3. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 | Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc | Thu phí đường bộ | 28,65% | 28,65% | 28,65% | 28,65% |
| 4. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Thu phí đường bộ | 36,00% | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| 5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Bất động sản | 30,00% | 30,00% | 30,00% | 30,00% |
| 6. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Bất động sản | 36,65% | 36,65% | 36,65% | 36,65% |
| 7. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | Dịch vụ tư vấn | 50,00% | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| 8. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | Lô số 7-8, LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 29,10% | 29,10% | 29,10% | 29,10% |
| 9. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc | P603, tầng 6, CT4, Khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Xây lắp | 20,82% | 20,82% | 20,82% | 20,82% |
| 10. Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | Số nhà 155, đường Trần Phú, phường Lam Hồng, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | Xây lắp | 37,23% | 37,23% | 37,23% | 37,23% |
| 11. Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | Bản Đông Mác, xã Quý Hoà, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn | Kinh doanh Thủy điện | 24,15% | 24,15% | 24,15% | 24,15% |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 06 tháng 4 năm 2018 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết giai đoạn từ 06 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán (riêng báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào chưa được kiểm toán). Số liệu ngày 06 tháng 4 năm 2018 trên Báo cáo tài chính các công ty con, công ty liên kết được lấy theo báo cáo tài chính (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 chưa được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 783/KTNN – TH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Báo cáo tài từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và các công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty và các công ty con ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại các Công ty con có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

18. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty và các công ty con đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty và các công ty con đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

22. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty và các công ty con đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 36.034.559.034 | 62.064.296.524 |
| Tiền gửi ngân hàng | 587.231.875.718 | 509.716.986.373 |
| Các khoản tương đương tiền (<i>các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>) | 168.796.043.645 | 186.808.370.174 |
| Cộng | 792.062.478.397 | 758.589.653.071 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn (*) | 1.600.500.000 | | 1.600.500.000 | |
| Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn(*) | 1.577.041.250 | | 1.577.041.250 | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú(*) | 18.204.120.000 | | 18.204.120.000 | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà | 300.000 | (136.200) | 300.000 | (136.200) |
| Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà | 400.000 | | 400.000 | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà | 815.000.000 | | 815.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Sông Đà | 1.323.404.364 | (935.324.664) | 1.323.404.364 | (935.324.664) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Sông Đà | 1.974.000 | | 1.974.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường | 3.000.000.000 | (1.675.050.000) | 3.000.000.000 | (1.675.050.000) |
| Cộng | 26.522.739.614 | (2.610.510.864) | 26.522.739.614 | (2.610.510.864) |

(*) Đây là các chứng khoán được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF), được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 | 121.529.338.160 | 121.529.338.160 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 134.560.861.291 | 132.984.095.378 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 3.615.250.941 | 3.615.250.941 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 914.838.736.353 | 1.000.953.706.818 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 132.293.409.784 | 129.122.951.708 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 22.511.509.292 | 24.854.411.066 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 1.304.786.812.782 | 1.358.231.939.295 |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | 4.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 12.409.552.807 | 12.445.024.419 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc | 5.573.526.465 | 5.573.526.465 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | 37.604.510.685 | 38.568.131.743 |
| Cộng | 2.693.723.508.560 | 2.927.878.375.993 |

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

| Tên công ty | Vốn góp đến ngày 31/12/2018 | Chênh lệch xác định giá trị cổ phiếu thưởng | Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ | Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2018 |
|---|--|--|---|---|
| Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2 | 44.700.000.000 | | 76.829.338.160 | 121.529.338.160 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 90.000.000.000 | | 44.560.861.291 | 134.560.861.291 |
| Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN | 1.782.968.647 | | 1.832.282.294 | 3.615.250.941 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà | 388.355.965.544 | 99.645.549.600 | 426.837.221.209 | 914.838.736.353 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 28.212.000.000 | | 104.081.409.784 | 132.293.409.784 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 20.887.000.000 | | 1.624.509.292 | 22.511.509.292 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 1.097.658.050.909 | | 207.128.761.873 | 1.304.786.812.782 |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | 100.000.000.000 | | (96.000.000.000) | 4.000.000.000 |
| Cộng | 1.771.595.985.100 | 99.645.549.600 | 766.894.383.903 | 2.638.135.918.603 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua các Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

| Tên công ty | Vốn góp đến ngày 31/12/2018 | Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ | Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2018 |
|---|-----------------------------|--|--|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | 5.856.360.000 | (5.856.360.000) | |
| Công ty CP Sông Đà 10.9 | 4.560.000.000 | 7.849.552.807 | 12.409.552.807 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc | 7.080.000.000 | (1.506.473.535) | 5.573.526.465 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | 39.124.823.018 | (1.520.312.333) | 37.604.510.685 |
| Tổng cộng | 56.621.183.018 | (1.033.593.061) | 55.587.589.957 |

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

| | Từ ngày 06/4/2018 đến ngày 31/12/2018 |
|--|---------------------------------------|
| Cung cấp dịch vụ cho bên liên kết | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 101.589.091 |
| Công ty Cổ phần điện Việt Lào | 599.714.657 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 21.519.611 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin | 10.361.128 |
| Nhận cổ tức | |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa | 2.088.700.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 3.413.300.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin | 68.871.065 |
| Lãi cho vay | |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | 61.724.643.992 |

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|---|---------------------|---------------|--------------------|---------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 55.396.800.278 | | 55.297.680.278 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh | 13.082.914.986 | | 13.082.914.986 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà | 1.536.000.000 | | 1.536.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất | 538.200.000 | | 538.200.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng | 15.000.000.000 | (359.829.045) | 15.000.000.000 | (359.829.045) |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao | 300.000.000 | | 300.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang | 5.930.749.831 | | 5.930.749.831 | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO | 4.573.200.000 | | 4.573.200.000 | |
| Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà | 25.724.000.000 | | 25.724.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà | 165.300.000 | (143.834.592) | 165.300.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 | 35.258.322.110 | | 35.258.322.110 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn | 2.951.350.000 | | 2.951.350.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn | 6.935.500.000 | | 7.200.500.000 | |
| Tổng công ty Hà Thành | 110.000.000 | | 110.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực | 1.940.000.000 | | 1.940.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông | 500.000.000 | (300.000.000) | 500.000.000 | (250.000.000) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà | 18.628.000.000 | (16.392.640.000) | 18.628.000.000 | (16.765.200.000) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 1 | 5.784.940.000 | (5.294.940.000) | 5.784.940.000 | (5.221.440.000) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong | 9.450.000.000 | (3.061.392.064) | 9.450.000.000 | (3.048.083.453) |
| Công ty Cổ phần G.S.M | 585.000.000 | (292.500.000) | 585.000.000 | (292.500.000) |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi | 2.841.309.273 | | 2.841.309.273 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn | 102.000.000 | | 102.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà | 1.500.000.000 | | 1.500.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3 | 500.000.000 | | 500.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên | 10.445.280.000 | (2.262.929.286) | 10.445.280.000 | (2.558.362.632) |
| Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan | 67.842.533.000 | | 57.696.419.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess | 457.500.000 | | 457.500.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà | 50.000.000 | | 50.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội | 6.000.000.000 | (2.880.000.000) | 6.000.000.000 | (5.480.000.000) |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu | 6.200.000.000 | | 6.200.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung | | | 5.459.000.000 | (4.975.000.000) |
| Cộng | 300.328.899.478 | (30.988.064.987) | 295.807.665.478 | (38.950.415.130) |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 918.123.417.016 | 896.465.075.307 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 375.233.143 | 375.233.143 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 270 | |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 36.844.040.047 | 26.922.950.231 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | 296.389.184.449 | 302.020.049.959 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 566.856.030.435 | 558.746.470.965 |
| Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin | 3.596.165.254 | 1.962.157.963 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 407.426.143 | 407.426.143 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 12.313.584.117 | 4.691.185.706 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | 1.339.601.197 | 1.339.601.197 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 2.151.961 | |
| Phải thu các khách hàng khác | 3.639.911.063.204 | 3.527.177.622.872 |
| Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 | 455.499.407.652 | 470.353.102.719 |
| Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 165.963.309.859 | 250.952.646.333 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | 141.147.860.198 | 141.147.860.198 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải | 114.223.723.727 | 114.223.723.727 |
| Liên danh CMC/ITD/Sông Đà | 161.757.904.400 | 22.831.395.038 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long | 74.987.697.224 | 118.109.702.649 |
| Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng | 124.777.128.485 | 120.331.642.957 |
| Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La | 30.708.530.105 | 107.354.933.312 |
| Các khách hàng khác | 2.370.845.501.554 | 2.181.872.615.939 |
| Cộng | 4.558.034.480.220 | 4.423.642.698.179 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 168.000.845.438 | 218.159.994.038 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 19.858.329.399 | 855.860.755 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 233.870.459 | |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | 147.863.829.383 | 217.259.317.086 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 44.816.197 | 44.816.197 |
| Phải thu các khách hàng khác | 508.793.501.890 | 551.027.567.809 |
| Ban quản lý Dự án Thủy điện 1 | 181.593.875.281 | 179.112.937.503 |
| Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La | 128.642.883.475 | 180.691.588.475 |
| Công ty OSABY | 99.489.521.052 | 98.801.832.412 |
| Các khách hàng khác | 99.067.222.082 | 92.421.209.419 |
| Cộng | 676.794.347.328 | 769.187.561.847 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 3.503.493.506 | 5.709.378.441 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 10.010.783 | 1.166.745.184 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 76.237.000 | 355.110.549 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 1.384.839.467 | 2.500.881.708 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 2.032.406.256 | |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | | 1.686.641.000 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 454.118.455.311 | 325.717.925.900 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu | 47.757.884.047 | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh | 63.727.569.730 | 35.678.453.214 |
| Công ty TNHH Nhạc Sơn | 54.548.208.601 | 8.506.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 288.084.792.933 | 281.533.472.686 |
| Cộng | 457.621.948.817 | 331.427.304.341 |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>Cho các bên liên quan vay</i> | 945.925.982.897 | 899.420.677.586 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào | 945.766.650.439 | 899.261.345.128 |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 | 159.332.458 | 159.332.458 |
| <i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i> | 2.104.929.612.396 | 2.706.019.183.483 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – vốn lưu động | 1.002.208.346.248 | 1.006.208.346.248 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại | 1.061.512.960.765 | 1.638.563.492.972 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - CTCP | 23.608.305.383 | 23.265.047.920 |
| Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Viện Kinh tế xây dựng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Đối tượng khác | | 20.382.296.343 |
| Cộng | 3.050.855.595.293 | 3.605.439.861.069 |

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| Sở Xây dựng Sơn La | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại | 674.272.078.065 | 905.071.418.265 |
| Cộng | 674.372.078.065 | 905.171.418.265 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| <u>Phải thu các bên liên quan</u> | <u>101.564.087.156</u> | <u>95.685.101.316</u> |
| <u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u> | <u>37.733.805.736</u> | <u>37.664.934.671</u> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 36.300.750.000 | 36.300.750.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 1.433.055.736 | 1.364.184.671 |
| <u>Phải thu các khoản khác</u> | <u>63.830.281.420</u> | <u>58.020.166.645</u> |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long | 249.854.605 | 3.969.042 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 26.242.254 | 26.242.254 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 1.852.843.966 | |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | 41.962.777 | 131.963.777 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 7.280.941.151 | 7.175.716.160 |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 54.378.436.667 | 50.417.838.400 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | | 19.570.316 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | | 244.866.696 |
| <u>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</u> | <u>1.208.428.309.132</u> | <u>1.172.870.005.529</u> |
| Tạm ứng | 134.127.454.861 | 123.673.493.026 |
| Ký cược, ký quỹ | 136.886.981.783 | 138.002.833.764 |
| Phải thu về cổ phần hóa | 5.858.915.738 | 5.916.915.738 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại | 472.864.528.632 | 442.239.647.925 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 458.690.428.118 | 463.037.115.076 |
| Cộng | <u>1.309.992.396.288</u> | <u>1.268.555.106.845</u> |

6b. Phải thu dài hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 5.337.669.808 | 5.167.478.084 |
| Phải thu dài hạn khác (*) | 62.547.976.042 | 63.715.018.716 |
| Cộng | <u>67.885.645.850</u> | <u>68.882.496.800</u> |

(*) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 12 với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM") theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLD ngày 05/06/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 3-/09/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tầng 4 trị giá 7.776.000.000 VND. Lợi nhuận công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án. Khoản phải thu dài hạn tương ứng số tiền đầu tư đã bỏ và khoản tiền thu do bán các căn hộ thuộc quyền của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 sẽ được bù trừ khi quyết toán toàn bộ dự án.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

| | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn | Nợ phải thu, cho vay dài hạn | Cộng |
|----------------------------|--|---|------------------------|
| Số đầu năm | 291.651.727.006 | | 291.651.727.006 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 78.222.291.072 | 10.014.756.325 | 88.237.047.397 |
| Hoàn nhập dự phòng | (12.777.598.782) | | (12.777.598.782) |
| Sử dụng dự phòng | (667.903.393) | | (667.903.393) |
| Số cuối năm | 356.428.515.903 | 10.014.756.325 | 366.443.272.228 |

8. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 1.072.448.024 | | 1.153.359.981 | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 283.943.290.428 | | 358.022.021.477 | |
| Công cụ, dụng cụ | 42.699.366.351 | | 13.982.455.427 | |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.499.837.531.262 | | 2.666.191.122.138 | |
| Thành phẩm | 7.664.308.036 | | 10.821.814.939 | |
| Hàng hóa | 5.993.345.091 | (781.147.783) | 40.515.801.976 | (781.147.783) |
| Hàng hóa bất động sản | 30.679.095.616 | (12.083.932.889) | 28.198.438.727 | |
| Cộng | 2.871.889.384.808 | (12.865.080.672) | 3.118.885.014.665 | (781.147.783) |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 12.782.712.375 | 11.249.502.001 |
| Chi phí sửa chữa | 6.847.112.192 | 635.576.652 |
| Chi phí bảo hiểm | 1.115.828.557 | 1.071.433.548 |
| Chi phí thiết bị văn phòng | 438.467.706 | 1.915.534.256 |
| Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey | 47.677.389.977 | 47.677.389.977 |
| Chi phí lãi vay | | 11.124.544.828 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 4.464.611.992 | 10.492.081.000 |
| Cộng | 73.326.122.799 | 84.166.062.262 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí tư vấn tái cấu trúc | 48.762.169.973 | 50.330.292.133 |
| Công cụ dụng cụ | 89.527.477.725 | 98.229.687.321 |
| Chi phí ban điều hành | 17.557.903.966 | 14.251.413.284 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 40.490.460.338 | 25.237.036.418 |
| Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng | 11.870.767.226 | 12.162.145.595 |
| Chi phí khắc phục sự cố thiên tai | 10.977.140.806 | 11.120.436.921 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Thương hiệu Sông Đà | 10.664.870.228 | 14.219.826.965 |
| Nhà lắp ghép | 4.963.219.618 | 685.749.298 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 13.027.541.899 | 17.886.709.832 |
| Cộng | 247.841.551.779 | 244.123.297.767 |
| 10. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | |
| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
| Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 18.948.440.616 | 18.634.456.723 |
| Trừ dự phòng | | |
| Giá trị thuần | 18.948.440.616 | 18.634.456.723 |
| 11. Lợi thế thương mại | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | 192.764.617.949 | |
| Phân bổ trong năm | (19.656.195.272) | |
| Tại ngày 31/12/2018 | 173.108.422.677 | |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 8.904.361.383.555 | 6.713.608.472.222 | 1.200.135.505.924 | 29.421.464.381 | 840.117.071.737 | 17.687.643.897.819 |
| Mua sắm mới | 243.181.818 | 37.583.151.569 | 4.405.669.344 | 1.663.975.697 | 637.950.000 | 44.533.928.428 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 7.193.532.375 | 187.854.320 | | | 15.951.954.443 | 23.333.341.138 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.865.390.909) | (61.918.251.315) | (37.669.988.002) | (999.862.125) | | (100.588.101.442) |
| Phân loại sang chi phí trả trước | (2.944.190.436) | (4.668.728.057) | | (671.481.818) | | (7.205.600.784) |
| Bản giao về DATC | 566.338.043.982 | (6.282.882.526) | (375.192.202) | (185.650.000) | | (9.787.915.164) |
| Điều chỉnh theo quyết toán vốn đầu tư công trình | | 190.076.578.622 | 797.547.275 | | | 757.212.169.879 |
| Tăng/giảm khác | (167.804.036) | 2.808.880.688 | (3.081.933.480) | (132.300.000) | (4.521.477.576) | (5.094.634.404) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 9.473.158.756.349 | 6.871.395.075.523 | 1.164.211.608.859 | 29.096.146.135 | 852.185.498.604 | 18.390.047.085.470 |

Giá trị hao mòn

| | | | | | | |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 2.560.865.144.968 | 4.102.483.407.580 | 889.341.888.272 | 21.763.139.462 | 128.028.549.731 | 7.702.482.130.013 |
| Khấu hao trong kỳ | 426.295.078.374 | 218.157.354.388 | 44.763.890.085 | 2.341.565.604 | 26.550.925.403 | 718.108.813.854 |
| Hao mòn Tài sản cố định phúc lợi | 55.316.732 | | | | | 55.316.732 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.393.272.572) | (61.374.791.723) | (37.128.455.275) | (990.996.535) | | (99.494.243.533) |
| Phân loại sang chi phí trả trước | (22.125.161) | (4.267.625.585) | | (662.015.382) | | (6.322.913.539) |
| Tăng/giảm khác | 2.985.800.142.341 | (1.786.114.968) | (1.049.484.765) | (169.499.995) | (615.543.335) | (3.642.768.224) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 2.985.800.142.341 | 4.253.212.229.692 | 895.927.838.317 | 22.282.193.154 | 153.963.931.799 | 8.311.186.335.303 |
| Giá trị còn lại | 6.343.496.238.587 | 2.611.125.064.642 | 310.793.617.652 | 7.658.324.919 | 712.088.522.006 | 9.985.161.767.806 |
| Tại ngày 06/4/2018 | 6.487.358.614.008 | 2.618.182.845.831 | 268.283.770.542 | 6.813.952.981 | 698.221.566.805 | 10.078.860.750.167 |
| Tại ngày 31/12/2018 | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại ban đầu theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.102.558.304.158 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay. Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.148.051.625.985 VND, và của tài sản cố định chờ bàn giao theo hợp đồng BOT là 65.249.907.252 VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| 13. Tài sản cố định thuế tài chính | | Tại ngày 06/4/2018 | Tăng trong năm | Khấu hao trong năm | Tại ngày 31/12/2018 |
|------------------------------------|--|---------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | 19.740.000.000 | 13.085.583.090 | | 32.825.583.090 |
| Giá trị hao mòn | | 3.196.617.755 | | 8.467.570.096 | 11.664.187.851 |
| Giá trị còn lại | | 16.543.382.245 | 13.085.583.090 | 8.467.570.096 | 21.161.395.239 |
| 14. Tài sản cố định vô hình | | Chi phí quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Cộng |
| Nguyên giá | | 10.935.518.564 | 4.927.847.447 | 740.000.000 | 16.603.366.011 |
| Tại ngày 06/4/2018 | | 10.935.518.564 | 4.927.847.447 | 740.000.000 | 16.603.366.011 |
| Tại ngày 31/12/2018 | | 10.935.518.564 | 4.927.847.447 | 740.000.000 | 16.603.366.011 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | | 709.517.301 | 3.495.353.720 | 582.194.447 | 4.787.065.468 |
| Khấu hao trong năm | | 41.387.283 | 378.519.750 | 27.972.225 | 447.879.258 |
| Tại ngày 31/12/2018 | | 750.904.584 | 3.873.873.470 | 610.166.672 | 5.234.944.726 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 06/4/2018 | | 10.226.001.263 | 1.432.493.727 | 157.805.553 | 11.816.300.543 |
| Tại ngày 31/12/2018 | | 10.184.613.980 | 1.053.973.977 | 129.833.328 | 11.368.421.285 |

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.356.092.923 VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

| | Tại ngày 31/12/2018 | | Tại ngày 06/4/2018 | |
|------------------------------------|---------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng (*) | | | 119.327.896.203 | 119.327.896.203 |

(*) Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng được thành lập theo Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị hoàn chỉnh và đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan theo hướng hiện đại và theo đúng quy hoạch được duyệt. Địa điểm thực hiện dự án: phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|--------------------------|
| <i>Mua sắm TSCĐ</i> | 1.028.905.455 | 260.195.230 |
| <i>XDCB dở dang</i> | 487.024.717.357 | 1.132.223.640.518 |
| Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh | 17.923.091.526 | 66.772.743.344 |
| Dự án Thủy điện Sê Kông 3 | 48.849.426.755 | 48.849.426.755 |
| Công trình Thủy điện Nậm Chiến | 20.843.879.812 | 792.309.352.475 |
| Công trình thủy điện Đăk Lô | 30.537.404.553 | 30.537.404.553 |
| Công trình thủy điện Pake | 342.242.641.855 | 173.796.669.075 |
| Các công trình khác | 26.628.272.856 | 19.958.044.316 |
| <i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i> | 17.237.967.404 | 8.827.615.878 |
| Cộng | 505.291.590.216 | 1.141.311.451.626 |

17. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 270.344.638.853 | 282.335.200.269 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 5.328.934.827 | 4.175.984.498 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 67.070.600.000 | 67.070.600.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 90.208.565.022 | 91.993.187.528 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 60.899.973.971 | 60.727.431.542 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 45.716.381.943 | 50.577.879.070 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | 68.586.000 | 2.375.995.541 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 1.037.957.000 | 5.400.482.000 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 13.640.090 | 13.640.090 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 2.111.372.943.705 | 2.021.726.214.486 |
| Cộng | 2.381.717.582.558 | 2.304.061.414.755 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Phải trả người bán dài hạn**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>31.152.370.956</i> | <i>32.348.597.525</i> |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | 1.758.904.122 | 1.770.399.466 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 9.948.735.511 | 10.942.288.511 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | 9.076.273.157 | 9.628.968.779 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 10.368.458.166 | 10.006.940.769 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>151.471.497.716</i> | <i>170.611.697.861</i> |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7 | 56.152.431.196 | 58.673.637.744 |
| Công ty Cổ phần SCI | 10.452.369.667 | 24.469.990.962 |
| Các nhà cung cấp khác | 84.866.696.853 | 87.468.069.155 |
| Cộng | <u>182.623.868.672</u> | <u>202.960.295.386</u> |

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | <i>72.651.676.890</i> | <i>59.993.145.812</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 200.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | 145.131.990 | 345.131.990 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | | 18.171.623.950 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 41.584.505.448 | 22.359.308.483 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | 22.171.254.431 | 13.647.460.327 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | 3.081.163.959 | |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | 5.469.621.062 | 5.469.621.062 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>1.085.509.398.950</i> | <i>601.896.920.422</i> |
| Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan | 71.145.858.000 | 156.759.202.000 |
| Ban quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 2 | 183.379.664.000 | |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7 | 253.895.287.000 | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Mả | 103.486.126.264 | |
| Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị Thành phố Hồ Chí Minh | 96.563.967.567 | 104.720.658.460 |
| Các đối tượng khác | 377.038.496.119 | 340.417.059.962 |
| Cộng | <u>1.158.161.075.840</u> | <u>661.890.066.234</u> |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Tại ngày 06/4/2018 | | Số phát sinh trong năm | | Tại ngày 31/12/2018 | |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Phải nộp | Đã nộp | Giảm khác | Phải thu |
| 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | | | |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | | | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 337.129.394.454 | 7.408.733.781 | 561.976.079.979 | (607.842.829.321) | (920.916.101) | 7.245.967.998 |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 143.019.665.001 | 626.089.623 | 257.988.041.085 | (268.155.316.728) | (920.916.101) | 1.067.105.449 |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | | 5.096.424.017 | (5.096.424.017) | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 71.969.966.958 | 5.444.158.972 | 58.201.657.495 | (69.230.439.731) | | 4.513.990.521 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 11.154.214.355 | 1.286.061.883 | 11.662.672.705 | (9.318.423.468) | | 1.193.501.634 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 44.271.463 | | 224.179.384 | (268.450.847) | | |
| Thuế tài nguyên | 26.758.948.456 | | 165.651.962.052 | (175.656.455.915) | | 428.872.314 |
| Thuế bảo vệ môi trường | 2.679.632.940 | | 17.046.921.779 | (15.331.290.671) | | |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 8.307.007.416 | 37.701.212 | 6.893.414.034 | (7.713.398.252) | | 28.275.989 |
| Các loại thuế khác | 3.777.191.973 | 368.400 | 18.030.576.169 | (18.195.865.616) | | 368.400 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 69.418.495.892 | 14.353.691 | 21.180.231.259 | (38.876.764.076) | | 13.853.691 |
| Lợi nhuận nộp Ngân sách | 139.065.281.085 | | | (42.299.028.734) | | 96.766.252.351 |
| Cộng | 476.194.675.539 | 7.408.733.781 | 561.976.079.979 | (650.141.858.055) | (920.916.101) | 7.245.967.998 |



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu | 193.838.859.820 | 715.226.166.484 |
| Chi phí các công trình | 280.810.438.782 | 353.404.797.226 |
| Chi phí phải trả khác | 61.305.085.120 | 112.869.390.476 |
| Cộng | 535.954.383.722 | 1.181.500.354.186 |

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 10.400.631.022 | 12.243.028.468 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 95.082.584.485 | 80.190.228.253 |
| Cộng | 105.483.215.507 | 92.433.256.721 |

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 4.689.099.652 | 5.937.707.535 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 125.496.113 | 125.496.113 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | 70.224.988 | 22.596.448 |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | 4.437.443.551 | 4.414.098.271 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin | 51.435.000 | 51.435.000 |
| Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long – Công ty TNHH MTV Sông Đà | | 1.319.581.703 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Somreco 1 | 4.500.000 | 4.500.000 |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 2.187.754.444.001 | 1.520.652.202.494 |
| Kinh phí công đoàn | 20.043.260.712 | 18.957.755.173 |
| Bảo hiểm xã hội | 72.055.847.336 | 58.733.278.365 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 133.311.993.820 | 66.452.925.102 |
| Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính | 370.755.500.517 | 129.906.240.098 |
| Chi phí lãi vay khác | 427.069.952.981 | 40.988.894.982 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 217.424.540.915 | 129.204.918.181 |
| Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa | 475.244.873.145 | 475.244.873.145 |
| Khoản thu cước phí tạm xác định chờ xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền | 74.724.568.335 | 76.138.419.953 |
| Chi phí trung, đại tu chờ quyết toán | 56.070.347.372 | |
| Tiền đặt cọc mua Cổ phần | 61.000.000.000 | 61.000.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 280.053.558.868 | 464.024.897.495 |
| Cộng | 2.192.443.543.653 | 1.526.589.910.029 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Phải trả dài hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả người ủy thác đầu tư | 51.359.220.000 | 51.525.100.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 2.814.792.260 | 12.897.206.081 |
| Chi phí trung tu, đại tu công trình | | 108.105.170.322 |
| Tiền bán căn hộ theo hợp đồng liên doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM | 57.760.396.881 | 57.760.396.881 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 7.941.989.400 | 12.402.181.449 |
| Cộng | 119.876.398.541 | 242.690.054.733 |

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngân hàng | 3.891.470.120.831 | 4.137.041.734.206 |
| Vay các tổ chức và cá nhân khác | 20.894.847.937 | 17.986.912.519 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 2.379.791.046.997 | 2.711.651.446.829 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 7.700.699.297 | 4.556.250.000 |
| Cộng | 6.299.856.715.062 | 6.871.236.343.554 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Vay ngân hàng | Vay các tổ chức, cá nhân khác | Vay dài hạn đến hạn trả | Nợ thuê tài chính đến hạn trả | Cộng |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 4.137.041.734.206 | 17.679.912.519 | 2.711.958.446.829 | 4.556.250.000 | 6.871.236.343.554 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 4.165.233.506.827 | 8.829.805.658 | | | 4.174.063.312.485 |
| Số kết chuyển | 35.082.759.729 | | 1.273.142.211.538 | 8.158.318.963 | 1.316.383.290.230 |
| Lãi nhập gốc | | 148.770.581 | | | 148.770.581 |
| Chênh lệch tỷ giá | | | (63.535.416.978) | | (63.535.416.978) |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ | (4.445.887.879.931) | (5.763.640.821) | (1.541.774.194.392) | (5.013.869.666) | (5.998.439.584.810) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 3.891.470.120.831 | 20.894.847.937 | 2.379.791.046.997 | 7.700.699.297 | 6.299.856.715.062 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Vay dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay Ngân hàng | 6.248.962.768.545 | 7.588.999.394.017 |
| Trái phiếu (*) | 1.146.531.178.832 | 1.141.463.751.825 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 8.128.750.000 | 7.788.750.000 |
| Cộng | 7.403.622.697.377 | 8.738.251.895.842 |

Trái phiếu không chuyển đổi năm 2017: Ngày 30 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty Sông Đà đã ký hợp đồng đặt mua trái phiếu không chuyển đổi với 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt để tái cơ cấu các khoản nợ với tổng mệnh giá trái phiếu là **1.160.000.000.000 VND**. Kỳ hạn của trái phiếu là 3 năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2017. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC, MEC. Trong tháng 01 năm 2018 Tổng công ty đã nhận được tiền trái phiếu và đã sử dụng số tiền này để thanh toán trước hạn cho trái phiếu Sông Đà phát hành năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Vay ngân hàng | Trái phiếu | Nợ thuê tài chính dài hạn | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 7.588.999.394.017 | 1.141.463.751.825 | 7.788.750.000 | 8.738.251.895.842 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 127.487.476.733 | | | 127.487.476.733 |
| Nợ thuê tài chính phát sinh trong năm | | | 12.972.973.670 | 12.972.973.670 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (203.309.913.032) | | (4.474.654.707) | (207.784.567.739) |
| Số kết chuyển | (1.308.224.971.267) | | (8.158.318.963) | (1.316.383.290.230) |
| Chênh lệch tỷ giá | 44.010.782.094 | | | 44.010.782.094 |
| Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu | | 5.067.427.007 | | 5.067.427.007 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 6.248.962.768.545 | 1.146.531.178.832 | 8.128.750.000 | 7.403.622.697.377 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23c. Vay dài hạn**

Chi tiết về các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

| | Tổng dư nợ vay | Cho Xi măng Hạ Long vay lại | Phục vụ cho SXKD của Tập đoàn |
|----------------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| Thời hạn dưới 1 năm | 1.371.178.510.406 | 1.061.512.960.765 | 309.665.549.641 |
| Vay Ngân hàng NIB | 529.361.883.616 | 270.347.528.940 | 259.014.354.676 |
| Vay Ngân hàng Natixis | 157.975.694.559 | 157.975.694.559 | |
| Vay Ngân hàng ADB | 68.271.057.503 | 17.619.862.538 | 50.651.194.965 |
| Vay Bộ Tài chính | 615.569.874.728 | 615.569.874.728 | |
| Thời hạn trên 1 năm | 2.473.779.610.518 | 674.272.078.065 | 1.799.507.532.453 |
| Vay Ngân hàng NIB | 76.314.582.004 | 44.019.027.938 | 32.295.554.066 |
| Vay Ngân hàng ADB | 2.397.465.028.514 | 630.253.050.127 | 1.767.211.978.387 |
| Cộng | 3.844.958.120.924 | 1.735.785.038.830 | 2.109.173.082.094 |
| Vay Ngân hàng NIB | 605.676.465.620 | 314.366.556.878 | 291.309.908.742 |
| Vay Ngân hàng Natixis | 157.975.694.559 | 157.975.694.559 | |
| Vay Ngân hàng ADB | 2.465.736.086.017 | 647.872.912.665 | 1.817.863.173.352 |
| Vay Bộ Tài chính | 615.569.874.728 | 615.569.874.728 | |

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | |
|--------------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 06/4/2018 | 44.552.469.869 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 54.349.477.070 |
| Chi quỹ trong năm | (44.321.194.370) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 54.580.752.569 |

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Tại ngày 06/4/2018 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Tại ngày 31/12/2018 |
|---|-------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | 4.495.371.120.000 | | | 4.495.371.120.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 87.348.327.332 | 34.219.113.050 | | 121.567.440.382 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 19.953.408.828 | 1.045.539.297 | | 20.998.948.125 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản (1.629.294.875.287) | | | | (1.629.294.875.287) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 294.376.962.459 | | | 242.940.292.010 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 486.391.358.613 | 263.244.701.517 | | 749.636.060.130 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.797.338.433 | 3.000.777.311 | | 6.798.115.744 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 1.044.056.396.987 | | 127.075.044.101 | 916.981.352.886 |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 8.499.721 | 1.249.985 | | 9.749.706 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 2.980.278.462.962 | | 368.210.117.746 | 2.612.068.345.216 |
| Cộng | 7.782.287.000.048 | 301.511.381.160 | 495.285.161.847 | 7.537.076.548.912 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25b. Thặng dư vốn cổ phần**

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty con được hợp nhất | 274.670.739.377 | 274.670.739.377 |
| Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau | (33.882.679.977) | (33.882.679.977) |
| Lợi ích Cổ đông không kiểm soát | (119.220.619.018) | (153.439.732.068) |
| Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty | 121.567.440.382 | 87.348.327.332 |

25c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

| | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 06/4/2018 |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | 1.681.513.650.000 | 1.681.513.650.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 119.220.619.018 | 153.439.732.068 |
| Vốn khác của Chủ sở hữu | 19.359.846.835 | 18.953.563.971 |
| Cổ phiếu quỹ | (620.000) | (620.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 505.368.577.484 | 659.584.556.133 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 3.797.338.433 | 6.798.115.744 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 102.585.719.534 | 272.207.040.011 |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 6.916.414 | 8.166.399 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con | 180.216.297.498 | 187.774.258.636 |
| Cộng | 2.612.068.345.216 | 2.980.278.462.962 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|-------------------------------------|---|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 6.057.731.056.927 | 9.133.090.245.317 |
| Doanh thu sản xuất công nghiệp | 1.761.100.080.071 | 2.152.562.120.586 |
| Doanh thu bán vật tư, hàng hóa | 226.534.303.778 | 394.566.345.521 |
| Doanh thu dịch vụ | 275.822.488.003 | 304.269.452.710 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 104.282.726.929 | 171.473.015.456 |
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 3.622.280.224.524 | 6.023.366.352.364 |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh khác | 67.711.233.622 | 86.852.958.680 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (32.890.309.829) | (58.825.767.254) |
| Doanh thu thuần | 6.024.840.747.098 | 9.074.264.478.063 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|-----------------------------------|---|--------------------------|
| Giá vốn sản xuất công nghiệp | 820.163.699.402 | 1.021.831.893.522 |
| Giá vốn vật tư, hàng hóa | 223.233.953.587 | 375.160.469.872 |
| Giá vốn dịch vụ | 229.104.167.830 | 192.732.346.398 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 78.390.379.128 | 120.774.073.303 |
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 3.126.846.306.214 | 5.341.582.674.747 |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh khác | 30.632.540.339 | 79.808.218.152 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 12.083.932.889 | |
| Cộng | 4.520.454.979.389 | 7.131.889.675.994 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|---|---|------------------------|
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 161.067.794.807 | 247.209.964.428 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 18.506.995.745 | 74.701.353.176 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính | | 222.009.822.742 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 5.001.202.116 | 9.734.810.542 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 30.414.621.391 | 11.484.379.794 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 8.470.952.907 | |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 18.543.737.709 | 1.271.031.164 |
| Cộng | 242.005.304.675 | 566.411.361.846 |

4. Chi phí tài chính

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|---|--------------------------|
| Chi phí lãi tiền vay | 723.530.888.329 | 1.118.923.362.902 |
| Lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu | 97.588.709.200 | 142.751.267.236 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | | 16.977.296.010 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 36.320.532.321 | 11.660.765.373 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 16.268.590.447 | 41.316.991.521 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | (1.518.614.730) | (56.015.004.591) |
| Chi phí tài chính khác | 9.870.650.729 | 13.986.712.368 |
| Cộng | 882.060.756.296 | 1.289.601.390.819 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 252.319.370.641 | 363.479.594.711 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 15.336.494.049 | 25.484.911.874 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 9.837.442.745 | |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 16.976.432.260 | 17.147.450.877 |
| Thuế, phí và lệ phí | 6.817.228.231 | 5.037.173.425 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 75.459.448.615 | 60.427.455.548 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35.462.178.334 | 45.051.045.870 |
| Chi phí bằng tiền khác | 99.263.067.521 | 141.050.838.303 |
| Cộng | 511.471.662.396 | 657.678.470.608 |

6. Thu nhập khác

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Lãi thanh lý TSCĐ | 5.340.676.165 | 34.150.557.204 |
| Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ | 4.137.712.897 | 5.721.208.492 |
| Thu tiền bồi thường | 5.983.068.078 | 4.426.546.206 |
| Công nợ không phải trả | | 1.405.195.685 |
| Hoàn nhập trích trước chi phí công trình | 13.559.847.672 | 5.281.141.691 |
| Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thải | 5.608.186.865 | 4.304.047.692 |
| Phí y tế và bảo vệ công trình | 1.671.281.186 | 1.384.047.967 |
| Thu nhập từ nông trường Trà Đa | 5.877.465.635 | |
| Thu nhập khác | 3.621.564.751 | 13.247.679.610 |
| Cộng | 45.799.803.249 | 69.920.424.547 |

7. Chi phí khác

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 | Năm 2017 |
|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ | 598.176.398 | |
| Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội và phạt khác | 12.059.789.156 | 57.716.912.654 |
| Thuế TNDN, TNCN nộp bên Lào | 2.609.896.029 | |
| Phí y tế và bảo vệ công trình | 1.268.262.933 | 1.384.047.967 |
| Chi phí chuyển nhượng giảm phát thải | 1.872.089.647 | 1.434.438.164 |
| Chi phí khác | 2.539.037.825 | 22.442.272.952 |
| Cộng | 20.947.251.988 | 82.977.671.737 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

| | Tỷ lệ vốn góp % | Phần lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết | Phần lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết |
|--|-----------------------|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | 30,00% | 5.255.886.377 | 1.576.765.913 |
| Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN | 50,00% | 366.003.291 | 114.130.991 |
| Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie | 25,00% | | (90.600.000.000) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà | 36,65% | 60.277.965.091 | 22.093.163.188 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | 26,86% | 19.783.104.959 | 1.900.161.159 |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | 36,00% | 331.683.649 | (1.969.293.466) |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | 38,29% | 255.805.616.182 | 89.807.783.794 |
| Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất | | | (429.428.598) |
| Cộng | | 341.820.259.549 | 22.493.282.981 |

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018 |
|---|-------------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 142.833.218.132 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát | |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 142.833.218.132 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 449.537.112 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 318 |

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 872.030.107 VND.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 11 | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 1 | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3 | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin | Công ty liên doanh |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.18, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Sản xuất công nghiệp | Xây lắp | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.761.100.080.071 | 3.589.389.914.695 | 674.350.752.332 | 6.024.840.747.098 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.761.100.080.071 | 3.589.389.914.695 | 674.350.752.332 | 6.024.840.747.098 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 940.936.380.669 | 462.543.608.481 | 100.905.778.559 | 1.504.385.767.709 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (517.152.186.423) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 987.233.581.286 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 242.005.304.675 |
| Chi phí tài chính | | | | (882.060.756.296) |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 22.493.282.981 |
| Thu nhập khác | | | | 45.799.803.249 |
| Chi phí khác | | | | (20.947.251.988) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (58.201.657.495) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | (2.818.715.824) |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Sản xuất công nghiệp | Xây lắp | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 333.503.590.588 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 14.005.117.729 | 65.775.558.564 | 1.172.176.363 | 80.952.852.656 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 387.070.948.728 | 211.965.918.200 | 132.774.461.748 | 731.811.328.676 |
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | | | | |
| | Sản xuất công nghiệp | Xây lắp | Lĩnh vực khác | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 8.934.380.739.654 | 15.122.936.986.919 | 1.123.722.787.195 | 25.181.040.513.768 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 3.506.727.626.658 |
| Tổng tài sản | | | | 28.687.768.140.426 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 5.696.727.346.167 | 15.172.597.539.576 | 281.332.110.174 | 21.150.656.995.917 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | |
| Tổng nợ phải trả | | | | 21.150.656.995.917 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 9.385.710.344.058 | 15.939.372.212.663 | 1.402.358.671.774 | 26.727.441.228.495 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 3.709.019.823.637 |
| Tổng tài sản | | | | 30.436.461.052.132 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 6.094.517.752.156 | 16.000.879.044.350 | 558.742.659.981 | 22.654.139.456.487 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | |
| Tổng nợ phải trả | | | | 22.654.139.456.487 |

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | |
|-------------|--------------------------|
| Trong nước | 5.587.144.959.465 |
| Ngoài nước | 437.695.787.633 |
| Cộng | 6.024.840.747.098 |

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam. Tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

| | |
|-------------|---------------------------|
| Trong nước | 27.266.472.228.693 |
| Ngoài nước | 1.421.295.911.734 |
| Cộng | 28.687.768.140.426 |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

